

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HOÀNG NGỌC CHIỆU

**CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BẮC NINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG

HÀ NỘI, 2017

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin trân trọng bày tỏ lòng cảm ơn chân thành nhất và sự cảm kích sâu sắc đến các thầy, cô đã tận tình giảng dạy, hướng dẫn tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Đặc biệt, tôi xin trân trọng cảm ơn sâu sắc đến thầy TS. Đặng Quang Phương đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện luận văn này.

Ngoài ra, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Tòa án các huyện, thị xã, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập tài liệu, số liệu thực hiện luận văn.

Tác giả luận văn

Hoàng Ngọc Chiệu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	6
1.1. Những vấn đề lý luận về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	6
1.2. Quy định của pháp luật hiện hành về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự...	13
Chương 2. THỰC TIỄN THI HÀNH QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH BẮC NINH.....	26
2.1. Tổng quan kết quả thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bắc Ninh	26
2.2. Những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bắc Ninh và nguyên nhân	38
Chương 3. CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	52
3.1. Các yêu cầu nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.....	52
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	56
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	72
PHỤ LỤC.....	77

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
HĐTP	Hội đồng Thẩm phán
HĐXX	Hội đồng xét xử
HTND	Hội thẩm nhân dân
TAND	Tòa án nhân dân
TTHS	Tố tụng hình sự
VKS	Viện kiểm sát

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hướng tới xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chủ trương cải cách tư pháp nhằm bảo vệ quyền con người là mục tiêu quan trọng hàng đầu của Đảng, Nhà nước ta. Nội dung và lộ trình thực hiện đã được thể hiện rõ tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 26/5/2005, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, XII của Đảng. Trong giai đoạn hiện nay, cải cách tư pháp vẫn là một yêu cầu không thể thiếu thúc đẩy quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân, hoạt động của Tòa án được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao. Để thực hiện mục tiêu yêu cầu cải cách tư pháp thì yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng là một nhiệm vụ không thể tách rời. Tổng kết hơn 10 năm thực tiễn thi hành BLTTHS đã khẳng định vai trò quan trọng của BLTTHS năm 2003, trong đó có các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói riêng, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, trước yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, nhiều quy định của BLTTHS năm 2003 không còn phù hợp, cần phải được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện, trong đó có chế định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Đây là một đề tài nghiên cứu có ý nghĩa lớn đối với tôi vì một số lý do sau:

Thứ nhất, BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự quy định còn chưa đầy đủ, chưa cụ thể, thiếu rõ ràng, cụ thể: thế nào là chuẩn bị xét xử

sơ thẩm vụ án hình sự? Chuẩn bị xét xử được bắt đầu từ khi nào và kết thúc thời điểm nào? Vị trí, vai trò, bản chất của chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự?

Thứ hai, Trong những năm qua, các báo cáo tổng kết công tác năm của hệ thống Tòa án cả nước nói chung và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh nói riêng đều chỉ rõ một trong những nguyên nhân khiến các vụ án hình sự bị hủy, sửa là do người tiến hành tố tụng còn yếu về chuyên môn nghiệp vụ và còn chủ quan trong hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Thứ ba, Bản thân là một cán bộ của Học viện Tòa án được lãnh đạo cơ quan giao nhiệm vụ nghiên cứu Đề tài để làm nguồn tài liệu phục công tác giảng dạy, học tập phù hợp với nhu cầu đào tạo tại Học viện Tòa án.

Từ những Lý do trên, tác giả chọn đề tài **“Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Bắc Ninh”** để nghiên cứu làm Luận văn thạc sỹ Luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã được một số tác giả nghiên cứu ở nhiều cấp độ khác nhau, trong đó:

Công trình nghiên cứu mang tính đại cương có: 1. GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên (2013), Giáo trình sau đại học, Luật hình sự phân chung, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. 2. GS.TSKH Lê Văn Cẩm chủ trì (2009), Giáo trình Tư pháp hình sự, Bộ môn Tư pháp hình sự, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội; 3. TS. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên (2001), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia; 4. PGS.TS Hoàng Thị Minh Sơn (2015), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam (tái bản lần thứ 12 có sửa đổi), Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; 5. TS. Nguyễn Sơn (2004), Chương 2 Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự, Giáo trình kỹ năng giải quyết vụ án hình sự, Nxb Tư pháp, Hà Nội; 6. TS. Đặng Quang Phương chủ biên (2012), Sổ tay quy trình giải quyết vụ án hình sự, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

Công trình nghiên cứu chuyên sâu có: 1. Th.s Tống Thị Thanh Thanh (2004), Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Luận văn thạc sỹ Luật học Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội; 2. Th.s Nguyễn Thị Thu Hiền (2011), Chuẩn bị xét

xử sơ thẩm vụ án hình sự, Luận văn thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. 3. Th.s Bùi Thị Hồng (2011), Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự, Luận văn thạc sỹ, Khoa Luật Đại học Quốc gia. 4. Th.s Cao Văn Hiều (2014), Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng, Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

Các bài viết có: TS. Hoàng Thị Minh Sơn, Một số quy định của BLTTHS về quyết định của Tòa án trong hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm và thực tiễn áp dụng, Tạp chí Luật học số 7/2009; 2. Vũ Gia Lâm (2011), Hoàn thiện một số quy định về xét xử sơ thẩm hình sự nhằm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 21), tr. 1-7; 3. Đinh Văn Quế (2011), Phương hướng hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 17), tr.16-18.

Các công trình khoa học và bài viết nêu trên đều có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn nhưng mới chỉ nghiên cứu những vấn đề chung nhất về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà chưa có công trình, bài viết nào nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện về hoạt động này tại tỉnh Bắc Ninh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Từ thực tiễn thi hành các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cũng như những hạn chế và nguyên nhân, luận văn làm sáng rõ thêm về lý luận và nội dung cơ bản của hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2003; đồng thời đưa ra một số giải pháp cơ bản hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thi hành về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Về lý luận: Nghiên cứu khái niệm, phân tích đặc điểm cơ bản của hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; phân tích, đánh giá những quy định của BLTTHS 2003 về hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Về thực tiễn: Từ đánh giá thực tiễn thi hành các quy định của BLTTHS năm 2003 đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự trong xét xử các vụ án hình sự tại tỉnh Bắc Ninh. Qua đó, phân tích những hạn chế còn tồn tại, nguyên nhân hạn

ché, từ đó có định hướng khắc phục đối với hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Thứ nhất, Những vấn đề lý luận về hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Thứ hai, Quy định của pháp luật về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn thi hành tại tỉnh Bắc Ninh: thời hạn chuẩn bị xét xử; áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quy định về các quyết định của Tòa án và các vấn đề khác để mở phiên tòa sơ thẩm.

Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án và chủ yếu tập trung nghiên cứu những quy định của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn thi hành tại tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra, luận văn cũng đề cập đến một số quy định khác của BLHS, một số ngành luật khác của liên quan và BLTTHS năm 2015 nhằm hỗ trợ cho việc giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận Triết học Mác- Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu như: phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa về lý luận

- Làm rõ thêm một số quy định của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự;

- Rút ra được những giá trị tiến bộ và một số hạn chế của pháp luật tố tụng hiện hành, nguyên nhân hạn chế.

Ý nghĩa thực tiễn

Góp phần nâng cao hiệu quả trong thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với việc giải quyết từng vụ án cụ thể.

Luận văn cũng đề xuất một số giải pháp về việc tăng cường, đổi mới và nâng cao hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Luận văn góp phần làm nguồn tài liệu tham khảo nghiên cứu, giảng dạy và học tập đối với những người làm công tác pháp luật, đặc biệt là đối với đội ngũ giảng viên, học viên, sinh viên của Học viện Tòa án.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, trang phụ bì, mục lục, danh mục sơ đồ, luận văn có bố cục ba chương,

Chương 1. Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chương 2. Thực tiễn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bắc Ninh.

Chương 3. Các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Những vấn đề lý luận về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm và chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự: Theo nghĩa chung nhất, xét xử của Tòa án là “hoạt động của các cơ quan và cá nhân được quyền căn cứ vào pháp luật để xem xét những vấn đề pháp lý và đưa ra những quyết định có tính chất bắt buộc” hay hoạt động xét xử là “hoạt động nhân danh Nhà nước nhằm xem xét, đánh giá và ra phán quyết về tính hợp pháp, tính đúng đắn của hành vi pháp luật hay quyết định pháp luật khi có tranh chấp và mâu thuẫn giữa các bên có lợi ích khác nhau” [28, tr.264].

Tòa án là nơi biểu hiện tập trung nhất của quyền tư pháp – nơi mà kết quả hoạt động điều tra, truy tố, bào chữa được kiểm tra, xem xét một cách công khai thông qua thủ tục tố tụng theo luật định để đưa ra những phán quyết cuối cùng có tính quyền lực Nhà nước, nơi phản ánh đầy đủ và sâu sắc nhất bản chất của nền công lý [18, tr.1].

Theo Từ điển Luật học thì “xét xử” là xem xét và xử các vụ án [05, tr.1108], “sơ thẩm” là xét xử vụ án lần thứ nhất [05, tr.861]. Về phương diện khoa học pháp lý thì “xét xử sơ thẩm” là việc lần đầu tiên đưa vụ án ra xét xử ở tòa án có thẩm quyền. Bản án, quyết định của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Nếu không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do pháp luật quy định thì có hiệu lực thi hành [26, tr.870].

Hiến pháp năm 2013 quy định Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước và xã hội. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức TAND năm 2014 quy định về thẩm quyền và chức năng của Tòa án “Tòa án xét xử những vụ án hình sự, dân sự,

hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế, hành chính và giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật” [31]. Hiện nay pháp luật TTHS Việt Nam xác định nguyên tắc hai cấp xét xử: Xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm hình sự, trong đó xét xử sơ thẩm là trọng tâm và có vai trò quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án.

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự hiện nay theo quy định thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện và TAND cấp tỉnh [36].

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn của tố tụng hình sự trong đó Tòa án có thẩm quyền tiến hành xem xét, giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án hình sự trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, tại phiên tòa trên trên sở những chứng cứ đã được kiểm tra, đánh giá công khai, Tòa án ra bản án xác định có tội hay không có tội. Ngoài việc ra bản án, Tòa án còn có quyền ra các quyết định khác nhằm giải quyết vụ án.

Như vậy, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là xét xử lần đầu do Tòa án có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật

Khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự: Theo Từ điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Giáo dục, 1994 thì: “Chuẩn bị là làm cho có sẵn cái cần thiết để làm việc gì” [26, tr.75]. Trong khoa học Luật hình sự và TTHS chưa có khái niệm chính thống về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Hầu như khái niệm này mới chỉ được phân tích ở cách tiếp cận của từng tác giả và mới chỉ dừng lại ở khái niệm về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự hay xét xử vụ án hình sự. BLTTHS năm 2003 cũng không có quy định cụ thể về khái niệm chuẩn bị xét xử vụ án hình sự. Xuất phát từ đặc thù của việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một hoạt động tố tụng khép kín nên BLTTHS năm 2003 không chia chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thành một giai đoạn độc lập. Các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được lồng ghép trong các quy định của Chương XVII, bao gồm 8 điều, từ Điều 176 đến Điều 183.

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thực chất là việc Thẩm phán nghiên cứu hồ sơ vụ án để nắm được nội dung vụ án, từ đó có hướng giải quyết vụ án một cách đúng đắn, chính xác nhất. Giai đoạn này giúp cho Thẩm phán xác định được vụ án đã đủ điều kiện đưa ra xét xử hay chưa, có đúng thẩm quyền không, có cần trả

hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung không, có cần áp dụng các biện pháp ngăn chặn hoặc có căn cứ để đình chỉ hoặc tạm đình chỉ không? Đây cũng là khoảng thời gian để Thẩm phán có thể lên kế hoạch xét hỏi, chủ động đặt ra các phương án cho các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa và chuẩn bị các công việc cần thiết khác cho việc mở phiên tòa sơ thẩm. Giai đoạn này được tiến hành trong một thời hạn nhất định mà luật quy định.

Hiện nay, trong khoa học pháp lý thì khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn nhiều quan điểm khác nhau. Hầu hết các bài viết, các công trình nghiên cứu mới chỉ phân tích nội dung quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đưa ra khái niệm chung về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà chưa có nhiều bài viết về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Có hai quan điểm về khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Quan điểm thứ nhất cho rằng hoạt động chuẩn bị xét xử là trình tự, thủ tục từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quan điểm thứ hai có nhiều học giả tiếp cận nghiên cứu hoạt động chuẩn bị xét xử là một trình tự, thủ tục tổ tụng bắt đầu từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Từ thực tiễn xét xử và xuất phát từ các quy định của BLTTHS, tác giả thấy hoạt động chuẩn bị xét xử không chỉ dừng lại sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử mà còn bao gồm rất nhiều công việc sau đó như việc tổng đạt văn bản tố tụng, thủ tục mời Luật sư, người bào chữa vv... Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một chế định trong TTHS được BLTTHS năm 2003 quy định. Đây là một hoạt động mang tính bắt buộc của quy trình tố tụng hình sự. Vì vậy, tác giả đưa ra khái niệm về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như sau: *Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một hoạt động tố tụng hình sự do những người tiến hành tố tụng thực hiện theo thẩm quyền từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.*

**. Đặc điểm của chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*

Mỗi loại án đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật tố tụng riêng biệt, xuất phát từ đặc thù riêng có của từng loại quan hệ chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Nếu như các tranh chấp về Dân sự, Hôn nhân gia đình, Kinh doanh thương mại hay lao động xuất phát từ những giao dịch thường ngày của cuộc sống, pháp luật tố tụng dân sự

xây dựng trên cơ sở ưu tiên sự thỏa thuận của các bên đương sự; tổ tụng hành chính điều chỉnh mối quan hệ giữa một bên là người dân với cơ quan hành chính Nhà nước trong thực thi nhiệm vụ công vụ cũng đề cao tối đa việc đối thoại. Pháp luật hình sự và TTHS lại điều chỉnh mối quan hệ giữa người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được BLHS sự quy định là tội phạm với Nhà nước; thực thi bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác. Xuất phát từ đặc điểm của quan hệ pháp luật hình sự nên các quy định về tố tụng cũng được xây dựng dựa trên những nguyên tắc nghiêm khắc thể hiện quyền lực Nhà nước. Vì vậy, trình tự, thủ tục để giải quyết vụ án hình sự được thực hiện bởi các chủ thể đặc biệt mang quyền lực Nhà nước; mọi hoạt động tố tụng tiến hành đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Do vậy, chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cũng có những đặc điểm chung và riêng biệt so với chuẩn bị xét xử các loại án khác, cụ thể như sau:

- Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một trình tự, thủ tục tố tụng: chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Thực tế cho thấy nếu không có việc chuẩn bị xét xử hoặc giai đoạn chuẩn bị chưa đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục thì không thể có một phiên tòa xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và việc xác định sự thật khách quan của vụ án sẽ trở nên vô cùng khó khăn. Đôi khi việc chuẩn bị không tốt sẽ dẫn đến việc đánh giá, xác định sai hoặc bỏ lọt tội phạm; dẫn đến có thể phải hoãn phiên tòa gây mất thời gian và hậu quả kéo theo là lãng phí chi phí tố tụng của Nhà nước. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một hoạt động tố tụng bắt buộc khi Tòa án tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bắt đầu kể từ thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm nhận hồ sơ và thụ lý vụ án; trong quá trình này, Thẩm phán phải ra một trong các quyết định: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung; Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Thời điểm kết thúc hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được tính đến ngày mở phiên tòa nếu vụ án được đưa ra xét xử. Nếu vụ án bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì thời điểm kết thúc được tính là ngày ghi trong quyết định.

- Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật TTHS: Việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải đảm bảo các quy định của BLTTHS về thời hạn; việc quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; trình tự, thủ tục giao, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng... Nội dung các quyết định được ban hành trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cũng phải đảm bảo các quy định của pháp luật về mặt hình thức và nội dung của quyết định.

- Chủ thể tiến hành là chủ thể đặc biệt: Chuẩn bị xét xử là hoạt động được thực hiện theo trình tự được BLTTHS quy định và chỉ diễn ra tại Tòa án. Chủ thể tiến hành hoạt động này là Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký và HTND. Khi tiếp nhận hồ sơ do VKS chuyển sang, cán bộ Tòa án phải kiểm tra, đối chiếu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nếu đủ điều kiện thì tiến hành thụ lý và chuyển cho Chánh án hoặc Phó Chánh án phân công Thẩm phán giải quyết. Sau khi được phân công giải quyết vụ án, Thẩm phán chủ tọa tiến hành nghiên cứu hồ sơ. Trên cơ sở hồ sơ vụ án, Thẩm phán xác định thẩm quyền giải quyết, xem xét các thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố đã đảm bảo đúng pháp luật hay chưa; đánh giá hành vi của bị can có thỏa mãn cấu thành tội phạm hay không, điều khoản và khung hình phạt mà VKS đề nghị có phù hợp không... Đây là cơ sở để Thẩm phán đưa ra các phán quyết giải quyết vụ án.

Trong các lĩnh vực tố tụng hành chính, tố tụng dân sự thì chuẩn bị xét xử cũng là một giai đoạn tố tụng độc lập; tuy nhiên, sự khác nhau cơ bản giữa tố chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự với hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm các loại án trên là nếu trong tố tụng hành chính, tố tụng dân sự, Tòa án là chủ thể tiến hành các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ; đương sự có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình, còn trong TTHS thì chỉ cơ quan tiến hành tố tụng mới có thẩm quyền tiến hành các hoạt động trên.

Xét xử là khâu trọng tâm quyết định việc giải quyết vụ án hình sự, phản ánh kết quả của quá trình điều tra, truy tố. Một người có bị coi là có tội hay không phụ thuộc vào phán quyết của Tòa án. Do vậy, chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là điều kiện cần thiết để kiểm tra, xem xét, đánh giá chứng cứ, các yếu tố cấu thành tội

phạm để Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử, trả hồ sơ điều tra bổ sung hay tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án, Thẩm phán chủ tọa được phân công xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, các thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã tiến hành đúng quy định của pháp luật hay chưa; cân nhắc việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn... từ đó có kế hoạch xét xử cụ thể.

Đối với những vụ án có thể đưa ra xét xử thì Thẩm phán phải thực hiện các công việc tiếp theo cho việc mở phiên tòa xét xử như triệu tập người tham gia tố tụng, xây dựng bản hỏi, giải quyết các yêu cầu, khiếu nại của bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ liên quan đến việc giải quyết vụ án... Trong quá trình tiến hành tố tụng, mọi hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của BLTTHS.

1.1.2. Vị trí, vai trò của chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- *Vị trí của chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự:* Hoạt động TTTHS được tiến hành bởi nhiều cơ quan, trong đó hoạt động xét xử của Tòa án có vai trò đặc biệt quan trọng bởi đây là khâu cuối cùng quyết định đến sinh mệnh chính trị, quyền và lợi ích hợp pháp của các bị can, bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, thậm chí là tước đi sinh mạng của con người. Chính vì vậy, giai đoạn chuẩn bị xét xử nói chung, chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng có ý nghĩa lớn, là cơ sở xuyên suốt cho toàn bộ quá trình xét xử của Tòa án.

Hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được tiến hành từ khi Tòa án nhận được hồ sơ và thụ lý vụ án do Viện kiểm sát chuyển sang đến khi mở phiên tòa sơ thẩm.

- *Vai trò của chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự:* Với vị trí là giai đoạn đầu tiên trong chuỗi hoạt động tố tụng tại Tòa án, chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có vai trò quan trọng xuyên suốt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; nó ảnh hưởng không nhỏ đến phán quyết của Tòa án về sự kiện pháp lý mà Tòa án xem xét.

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giúp Thẩm phán xác định đúng đắn đường lối giải quyết vụ án, đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, pháp luật nhằm xét xử một

cách khách quan, đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm; nhằm bảo vệ chế độ, pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân góp phần đấu tranh phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa sẽ xem xét xem vụ án đã đáp ứng được đầy đủ yêu cầu luật định hay chưa. Nếu có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, hay chưa đủ cơ sở kết tội bị can thì Tòa án sẽ ra quyết định nhằm khắc phục, bổ sung những thiếu sót để đảm bảo yêu cầu mà pháp luật quy định. Trong giai đoạn này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sẽ nắm vững được bản chất, diễn biến của vụ án, từ đó sẽ xác định được sự thật khách quan và có quan điểm về định hướng giải quyết vụ án.

Có thể thấy, chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là điều kiện cần, là nền tảng để quyết định đưa vụ án ra xét xử hay không? Ngoài ra, chuẩn bị xét xử còn góp phần xác định thẩm quyền xét xử của Tòa án.

Thông qua giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giúp cho Hội đồng xét xử và những người bào chữa có được quan điểm đúng đắn về vụ án, góp phần giải quyết vụ án nhanh chóng, dứt điểm và đảm bảo đúng pháp luật. Đây cũng là giai đoạn kết nối ba cơ quan trong hoạt động tư pháp: Công an, Viện kiểm sát và Tòa án. Đặc biệt, chuẩn bị xét xử sơ thẩm còn là cơ sở cho việc định hướng giải quyết vụ án, góp phần thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, giúp củng cố niềm tin của người dân vào Tòa án. Đây là tiền đề cho việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự một cách khách quan, toàn diện. Các quyết định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là cơ sở pháp lý để phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt trình tự tố tụng, quan hệ tố tụng. Nếu quyết định đưa vụ án ra xét xử thì sẽ làm phát sinh trình tự tố tụng tại phiên tòa, làm phát sinh quan hệ giữa hội đồng xét xử với những người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng khác; còn quyết định đình chỉ vụ án sẽ chấm dứt quan hệ tố tụng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như với người tham gia tố tụng.

Thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cũng là thời gian để những người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như việc mời hoặc

yêu cầu có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chuẩn bị tham gia phiên tòa, xuất trình chứng cứ cho Tòa án và thực hiện quyền khiếu nại khi thấy cần thiết.

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giúp cho việc xét xử tại phiên tòa đạt hiệu quả cao, đảm bảo thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho người dân thông qua công tác xét xử của Tòa án. Hạn chế thấp nhất những sai lầm, thiếu sót trong xét xử; thống nhất được quan điểm đối với việc giải quyết vụ án giữa cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra.

Ngoài ra, chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn góp phần củng cố thêm ý thức tuân theo pháp luật của công dân; xác định trách nhiệm của Nhà nước trong việc chứng minh tội phạm. Hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn đảm bảo chủ trương, đường lối của Đảng trên cơ sở tuân thủ hiến pháp và pháp luật, đảm bảo công bằng giữa các công dân trước pháp luật; góp phần cân bằng các mối quan hệ xã hội, củng cố niềm tin của người dân vào cơ quan Tòa án nói riêng, cơ quan thực hành quyền tư pháp nói chung.

1.2. Quy định của pháp luật hiện hành về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.2.1. Quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bắt đầu kể từ ngày Tòa án nhận được hồ sơ vụ án do VKS chuyển đến. Để có thể đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc ra quyết định tố tụng khác đòi hỏi phải có một khoảng thời gian chuẩn bị: nghiên cứu hồ sơ, giải quyết yêu cầu của người tham gia tố tụng, các công việc cần thiết khác cho việc mở phiên tòa. Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự gồm thời hạn để Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra các quyết định tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật và thời hạn để mở phiên tòa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được tính từ ngày Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa nhận được hồ sơ vụ án quy định tại Điều 176 BLTTHS năm 2003, cụ thể:

- Không quá 30 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng;
- Không quá 45 ngày đối với tội phạm nghiêm trọng;
- Không quá hai tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng;

- Không quá ba tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Trong phạm vi thời hạn đó, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định sau: Đưa vụ án ra xét xử; Trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

Đối với những vụ án phức tạp, Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không quá 15 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng; không quá 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của HĐTP TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần “Xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003 đã hướng dẫn quy định về việc gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử như sau: khi thời hạn chuẩn bị xét xử gần hết (thời hạn chuẩn bị xét xử còn lại không quá năm ngày) mà Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa thấy rằng vụ án phức tạp nên chưa ra được một trong các quyết định quy định tại đoạn này, thì cần phải báo cáo với Chánh án Tòa án để ra quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử.

Vụ án được coi là phức tạp nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Vụ án có nhiều bị can, phạm tội có tổ chức hoặc phạm nhiều tội; Vụ án liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc nhiều địa phương; Vụ án có nhiều tài liệu, có các chứng cứ mâu thuẫn với nhau cần có thêm thời gian nghiên cứu, tổng hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án hoặc phải tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, trong thời hạn 15 ngày, Tòa án phải mở phiên tòa; trong trường hợp có lý do chính đáng thì Tòa án có thể mở phiên tòa trong thời hạn 30 ngày.

Như vậy, các loại tội khác nhau thì thời hạn chuẩn bị xét xử quy định là khác nhau: Thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa đối với tội phạm ít nghiêm trọng là hai tháng mười lăm ngày; đối với tội phạm nghiêm trọng là ba tháng; đối với tội phạm rất nghiêm trọng là bốn tháng; đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là năm tháng (*Xem Sơ đồ tại Phụ lục 09*).

Trường hợp vụ án có nhiều bị cáo bị truy tố về nhiều tội khác nhau (có tội ít nghiêm trọng, có tội nghiêm trọng, có tội rất nghiêm trọng và có tội đặc biệt nghiêm

trọng) hoặc nhiều khung hình phạt khác nhau trong cùng một tội thì thời hạn chuẩn bị xét xử được xác định theo tội danh nặng nhất mà trong vụ án có bị cáo bị truy tố [18].

Ví dụ trong một vụ án có bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 250 BLTTHS về “Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; có bị cáo bị truy tố theo khoản 4 Điều 133 BLTTHS “Tội cướp tài sản” thì thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa được tính là ba tháng mười lăm ngày, nếu gia hạn thì tối đa là bốn tháng mười lăm ngày áp dụng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng.

Trường hợp ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận lại hồ sơ, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thời hạn này được áp dụng chung cho cả bốn loại tội: ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

Trường hợp ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử kết thúc vào ngày ra quyết định. Khi lý do tạm đình chỉ không còn Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại kể từ ngày Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

1.2.2. Quy định về áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn

Biện pháp ngăn chặn là biện pháp cưỡng chế trong TTHS được áp dụng đối với bị can, bị cáo, người bị truy nã hoặc đối với người chưa bị khởi tố (trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang) nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây cản trở cho việc điều tra truy tố, xét xử và thi hành án hình sự [25, tr.195].

Điều 79 BLTTHS năm 2003 quy định các biện pháp ngăn chặn gồm có: bắt (bắt bị can, bị cáo để tạm giam; bắt người trong trường hợp khẩn cấp; bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã); tạm giữ; tạm giam; Cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lãnh; đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Trong giai đoạn xét xử, Tòa án chỉ có Thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn: bắt bị can, bị cáo để tạm giam; tạm giam; Cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lãnh; đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Trong đó, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa chỉ có thẩm quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ đối với các biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lãnh; đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

Biện pháp ngăn chặn bắt để tạm giam, tạm giam thuộc thẩm quyền của Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án.

Theo Điều 177 BLTTHS năm 2003 và Nghị quyết số 04/2004 của HĐTP-TANDTC thì ngay sau khi nhận hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải tiến hành kiểm tra các tài liệu trong hồ sơ vụ án để xem xét quyết định hoặc đề nghị Chánh án, Phó chánh án Tòa án áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn trong trường hợp tại giai đoạn điều tra, truy tố, bị can chưa bị CQĐT, VKS áp dụng hoặc đã bị áp dụng nhưng đến thời điểm Tòa án thụ lý thì biện pháp đó đã bị hủy bỏ. Tòa án thay đổi biện pháp ngăn chặn là việc buộc bị can phải chịu một trong các biện pháp được quy định tại Điều 79 BLTTHS thay thế cho biện pháp mà CQĐT, VKS đã áp dụng. Tòa án hủy bỏ biện pháp ngăn chặn là khi thụ lý hồ sơ vụ án, bị can đang bị áp dụng một biện pháp ngăn chặn quy định tại BLTTHS nhưng thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp ngăn chặn nữa.

Trong vụ án mà người phạm tội là người chưa thành niên thì việc áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn phải giao cho người đại diện hợp pháp hoặc người giám sát để đảm bảo sự có mặt của họ tại phiên tòa.

Đối với vụ án có yếu tố nước ngoài thì việc áp dụng, thay đổi hay hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn phải thông báo cho Đại sứ quán, Lãnh sự quán của nước có công dân của họ bằng con đường ngoại giao [17].

1.2.3. Quy định về ra các quyết định của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa

- *Quyết định đưa vụ án ra xét xử:* Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu thấy có đủ chứng cứ mà không có căn cứ để trả hồ sơ hoặc tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án hoặc đã được điều tra bổ sung thì Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trường hợp đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát đã điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án mà không bổ sung được và vẫn giữ nguyên yêu cầu truy tố thì Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử là văn bản pháp lý quan trọng làm thay đổi địa vị pháp lý của bị can sang địa vị pháp lý là bị cáo. Đây cũng là cơ sở để bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bị hại, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện các quyền do luật quy định, như: yêu cầu thêm những người có liên quan cần được triệu tập đến phiên tòa, vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa, yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng vv... Ngoài ra, còn là căn cứ để xác định ngày mở phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử; trường hợp có lý do chính đáng thì Tòa án có thể mở phiên tòa trong thời hạn 30 ngày.

Nội dung Quyết định đưa vụ án ra xét xử quy định tại Điều 178 BLTTHS năm 2003, theo đó phải ghi rõ: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của bị cáo; tội danh và điều khoản của BLHS mà Viện kiểm sát áp dụng đối với hành vi của bị cáo; ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm mở phiên tòa; xử công khai hay xử kín; Họ tên Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án; họ tên Thẩm phán dự khuyết, Hội thẩm dự khuyết (nếu có); họ tên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; họ tên Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có); Họ tên người bào chữa (nếu có); họ tên người phiên dịch (nếu có); họ tên những người được triệu tập để xét hỏi tại phiên tòa; vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa.

- *Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung*: Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là một thủ tục cần thiết để đảm bảo cho việc xét xử tại phiên tòa được khách quan, toàn diện và chính xác. Thông qua việc điều tra bổ sung, Tòa án khắc phục được những sơ hở và thiếu sót trong giai đoạn điều tra, truy tố; Tòa án hạn chế được việc mở phiên tòa rồi lại phải ngừng hoặc hoãn phiên tòa, tiết kiệm được những chi phí không đáng có cho quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Điều 179 BLTTHS năm 2003, Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung trong những trường hợp sau:

Thứ nhất, Khi cần xem xét thêm chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được. Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT/VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung quy định khái niệm

chứng cứ quan trọng đối với vụ án như sau: “Chứng cứ quan trọng đối với vụ án quy định tại khoản 1 Điều 168 và điểm a khoản 1 Điều 179 BLTTHS là chứng cứ quy định tại Điều 64 của BLTTHS dùng để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 63 BLTTHS và nếu thiếu chứng cứ này thì không thể giải quyết được khách quan, toàn diện đúng pháp luật”. Các chứng cứ sau đây là chứng cứ quan trọng: Chứng cứ để chứng minh có hành vi phạm tội xảy ra hay không; Chứng cứ để chứng minh thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; Chứng cứ để chứng minh Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; Chứng cứ để chứng minh có lỗi hay không có lỗi; Chứng cứ để chứng minh có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; Chứng cứ để chứng minh mục đích, động cơ phạm tội; Chứng cứ để chứng minh tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; Chứng cứ để chứng minh đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; Chứng cứ để chứng minh tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Chứng cứ khác để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 63 của BLTTHS mà thiếu chứng cứ đó thì không có đủ căn cứ để giải quyết vụ án, như: chứng cứ để xác định chính xác tuổi của bị can, bị cáo là người chưa thành niên hoặc xác định chính xác tuổi của người bị hại là trẻ em; Chứng cứ để chứng minh vị trí, vai trò của từng bị can, bị cáo trong trường hợp đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức...

Thực tiễn xét xử, khi thực hiện các hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thể xem nhẹ hoặc chỉ coi trọng một loại chứng cứ nào, mà phải xem xét một cách tổng thể, toàn diện tất cả các chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án, dù đó là chứng cứ gốc hay chứng cứ thuật lại, là chứng cứ buộc tội hay chứng cứ gỡ tội, là chứng cứ trực tiếp hay chứng cứ gián tiếp. Ngoài các chứng cứ quan trọng như nêu trên còn có thể có chứng cứ khác có liên quan nhưng ít quan trọng hơn đến việc giải quyết vụ án. Do vậy trường hợp thiếu những chứng cứ này thì Thẩm phán không phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung [49].

Ví dụ: A có hành vi cố ý gây thương tích cho B với tỷ lệ thương tật là 40% theo kết luận giám định. Cơ quan điều tra mới chỉ làm rõ B phải điều trị tại bệnh

viện 30 ngày. B yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 100 triệu đồng nhưng không nêu ra từng khoản cụ thể, không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình ngoài việc cung cấp mấy đơn thuốc. Trường hợp này, phần dân sự không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, đến việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với A. Việc thiếu những chứng cứ này, Hội đồng xét xử có thể tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục dân sự khi có yêu cầu

Thứ hai, Khi có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác: “Phạm một tội khác” bao gồm tội chưa được VKS truy tố hoặc tội đã được VKS truy tố nhưng Tòa án thấy cần xử bị cáo về tội nặng hơn, cụ thể: Tội chưa được VKS truy tố là trường hợp ngoài tội phạm đã bị truy tố, chứng cứ trong hồ sơ cho thấy còn có căn cứ để khởi tố bị can về một hay nhiều tội khác. Tội khác này là tội chưa được VKS truy tố và hành vi này cấu thành một tội khác độc lập với tội đã bị Viện kiểm sát truy tố. Tội đã được VKS truy tố nhưng Tòa án thấy cần xử bị cáo về tội nặng hơn. Ví dụ, VKS truy tố Tội cố ý gây thương tích nhưng chứng cứ lại thể hiện hành vi của bị cáo phạm Tội giết người [27].

Còn trường hợp Viện kiểm sát truy tố bị can về tội nặng hơn tội danh mà bị can đã thực hiện thì Tòa án có thể xét xử bị cáo bằng một tội danh khác bằng hoặc nhẹ hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố theo đúng quy định tại Điều 196 BLTTHS về giới hạn xét xử.

Thứ ba, Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là việc trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định, đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Những trường hợp được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTHS, đó là: Lệnh, quyết định của cơ quan điều tra và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mà theo quy định của BLTTHS phải có sự phê chuẩn của VKS, nhưng đã không có phê chuẩn của VKS hoặc việc ký lệnh, quyết định tố tụng không đúng thẩm quyền; không yêu cầu cử người bào chữa trong trường hợp bị can, bị cáo bị truy tố về tội theo khung

hình phạt có mức cao nhất là tử hình theo quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS; xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ; khởi tố vụ án hình sự nhưng không có yêu cầu của bị hại hoặc của đại diện hợp pháp của họ trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 105 BLTTHS (Những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các Điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121 và 171 của BLHS chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần); nhập hoặc tách vụ án hình sự không có căn cứ và trái với quy định tại Điều 117 BLTTHS; không giao các lệnh, quyết định tố tụng cho bị can, bị cáo theo đúng quy định của pháp luật xâm hại đến quyền bào chữa của bị can, bị cáo; chưa điều tra, lập lý lịch của bị can; chưa xác định được đặc điểm quan trọng về nhân thân của người có hành vi phạm tội như tuổi, tiền án tiền sự của bị can, bị cáo; không có người phiên dịch cho người tham gia tố tụng trong trường hợp vụ án có người không sử dụng được tiếng Việt và người câm, người điếc theo quy định tại Điều 61 BLTTHS; không từ chối tiến hành tố tụng hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng trong các trường hợp quy định tại Điều 42, Điều 60, Điều 61 BLTTHS; việc điều tra, thu thập chứng cứ quan trọng đối với vụ án không đúng trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS nên không có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự; chứng cứ, tài liệu quan trọng đối với vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố nhưng không đưa vào hồ sơ vụ án hoặc bị sửa chữa, thêm bớt làm sai lệch hồ sơ vụ án; việc điều tra, truy tố không đúng thẩm quyền trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền phân công đối với từng vụ án cụ thể; có căn cứ để xác định có việc mớm cung, bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật; khiếu nại, tố cáo của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích của họ; những trường hợp khác được xác định theo quy định của pháp luật [19].

Thông thường, khi có một trong các căn cứ nêu trên, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trao đổi với VKS, tuy nhiên VKS có nhất trí hay không đều không chi phối đến quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Thẩm phán trả hồ sơ điều tra bổ sung phải ra quyết định bằng văn bản và không được trả quá hai lần và chỉ ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung lần thứ hai trong trường hợp những vấn đề yêu cầu điều tra bổ sung lần thứ nhất chưa được điều tra bổ sung hoặc tuy đã điều tra bổ sung nhưng chưa đạt yêu cầu hoặc từ kết quả điều tra bổ sung xét thấy cần điều tra bổ sung vấn đề mới.

- *Quyết định tạm đình chỉ vụ án:* BLTTHS năm 2003 không quy định căn cứ tạm đình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mà chỉ dẫn căn cứ áp dụng quy định về tạm đình chỉ điều tra tại Điều 160 BLTTHS. Do vậy, khi áp dụng căn cứ để ra quyết định tạm đình chỉ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa căn cứ vào thực tế vụ án để áp dụng cho phù hợp. Theo quy định tại Điều 180 BLTTHS năm 2003, Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ vụ án trong những trường hợp sau:

+ Bị can, bị cáo bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y. Cùng với việc ra quyết định tạm đình chỉ vụ án trường hợp này, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa báo cáo Chánh án Tòa án ra quyết định bắt buộc chữa bệnh theo quy định tại Điều 311 BLTTHS. Sau khi bị can khỏi bệnh, Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Bệnh hiểm nghèo là trường hợp theo kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên thì người bị kết án đang bị những căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng, khó có phương thức điều trị như: Ung thư giai đoạn cuối, xơ gan cổ chướng, lao nặng độ 4 kháng thuốc, bại liệt, suy tim độ 3 trở lên, suy thận độ 4 trở lên, HIV giai đoạn cuối ...[21].

Trường hợp bị can có biểu hiện tâm thần mà trong kết luận giám định pháp y tâm thần không nêu cụ thể về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bị can, bị cáo thì Tòa án phải yêu cầu tổ chức giám định pháp y kết luận rõ. Nếu bị can, bị cáo chỉ bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi thì Thẩm phán không được ra quyết định tạm đình chỉ và quyết định bắt buộc chữa

bệnh. Nếu bị can, bị cáo đang trong giai đoạn phát triển bệnh thì ra quyết định tạm đình chỉ và báo cáo Chánh án ra quyết định bắt buộc chữa bệnh. Trường hợp sau khi hồ sơ đã chuyển sang Tòa án mà Kết luận của Hội đồng giám định pháp y đã có ở giai đoạn điều tra, truy tố thì Thẩm phán cũng không ra quyết định tạm đình chỉ mà phải trả hồ sơ để Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ và bắt buộc chữa bệnh theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 311 BLTTHS [27, tr.40].

+ Không biết bị cáo ở đâu mà thời hạn chuẩn bị xét xử đã hết: Tòa án yêu cầu CQĐT truy nã bị can và nếu thời hạn chuẩn bị xét xử đã hết mà vẫn chưa bắt được bị can. Nếu đã mở phiên tòa mà bị cáo trốn tránh thì HĐXX căn cứ Điều 187 BLTTHS ra quyết định tạm đình chỉ vụ án và yêu cầu CQĐT truy nã

Trường hợp vụ án có nhiều bị can, bị cáo mà căn cứ để tạm đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả các bị can, bị cáo thì có thể tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo.

- *Quyết định đình chỉ vụ án:* Theo quy định tại Điều 180 BLTTHS thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ vụ án trong những trường hợp sau:

Thứ nhất, Người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa đối với các vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại quy định tại khoản 2 Điều 105 BLTTHS (những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các Điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122 và 171 BLHS).

Trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy đã rút yêu cầu thì cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, cơ quan Tòa án vẫn tiến hành tố tụng đối với vụ án. Do vậy, khi xem xét ra quyết định đình chỉ vụ án thuộc trường hợp này thì Thẩm phán phải xác định xem người rút yêu cầu có tự nguyện hay không.

Thứ hai, Khi có căn cứ thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 107 BLTTHS, gồm các trường hợp như sau: Bị can chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Hành vi phạm tội của bị can đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; Đã hết thời hiệu truy cứu trách

nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 23 BLHS (trừ trường hợp không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự); Bị can đã chết; Tội phạm đã được đại xá.

Thứ ba, Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án. Căn cứ để VKS rút quyết định truy tố quy định tại Điều 107 BLTTHS hoặc có căn cứ miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 BLHS bao gồm: Không có sự việc phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm, bị can chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị can đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật, đã hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự, bị can đã chết; tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; Do sự chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm; người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can, bị cáo mà căn cứ để đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả các bị can, bị cáo thì có thể đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo.

1.2.4. Quy định về các vấn đề khác

Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa cần phải thực hiện các quy định sau:

- Giao các quyết định của Tòa án: Điều 182 BLTTHS quy định Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải được giao cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ và người bào chữa, chậm nhất là *mười ngày* trước khi mở phiên tòa để họ có điều kiện nghiên cứu, chuẩn bị bào chữa tại phiên tòa. Trong trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo thì quyết định đưa vụ án ra xét xử và bản cáo trạng được giao cho người bào chữa hoặc người đại diện hợp pháp của bị cáo; quyết định đưa vụ án ra xét xử còn phải được niêm yết tại trụ sở chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc nơi làm việc cuối cùng của bị cáo.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ vụ án của Tòa án phải được giao cho bị can, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo; những người khác tham tố tụng thì được gửi giấy báo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định đình chỉ, quyết định tạm đình chỉ vụ án phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn phải được gửi ngay cho bị can, bị cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, trại tạm giam nơi bị can, bị cáo đang bị tạm giam.

Như vậy, Tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ và người bào chữa chậm nhất là *mười ngày* trước khi mở phiên tòa. Trong khoảng thời gian này, bị cáo có thể thực hiện quyền mời người bào chữa và yêu cầu Tòa án xem xét các vấn đề cần thiết như đưa vật chứng ra xem xét tại phiên tòa, đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, triệu tập thêm người làm chứng... Việc giao quyết định đưa vụ án ra xét xử phải lập thành biên bản có ký nhận.

Đối với những vụ án có yếu tố nước ngoài thì các văn bản tố tụng đều phải gửi đến Đại sứ quán và Cục Lãnh sự Bộ ngoại giao, nơi quản lý người tham gia tố tụng [17].

- Triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa: Điều 183 BLTTHS quy định về việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa, theo đó căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán phải xác định tất cả những người cần triệu tập để xét hỏi tại phiên tòa; tùy từng vụ án cụ thể mà người cần triệu tập để xét hỏi có thể bao gồm: bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người làm chứng, người phiên dịch, người giám định, đại diện hợp pháp của bị hại.

Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam thì Thẩm phán được phân công chủ tọa ra lệnh trích xuất bị cáo cho Ban giám thị trại giam nơi bị cáo đang bị giam giữ để làm thủ tục dẫn giải bị cáo đến phiên tòa. Đối với bị cáo đang tại ngoại thì Thẩm phán, Thư ký Tòa án được phân công tiến hành tổng đạt cho bị cáo.

Trường hợp vụ án có nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự là cơ quan, tổ chức thì tiến hành triệu tập người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức đó đến phiên tòa. Người bị hại đã chết thì triệu tập đại diện hợp pháp của họ. Đối với những vụ án mà pháp luật quy định bắt buộc phải trưng cầu giám định và những vụ án mà sự có mặt của người giám định là cần thiết thì Tòa án phải triệu tập người giám định đến phiên tòa.

Kết luận chương 1

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động tố tụng quan trọng trong hoạt động xét xử các vụ án hình sự, trong đó người tiến hành các hoạt động tố tụng chịu trách nhiệm chính là Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa, thực hiện các công việc cần thiết theo trình tự, thủ tục luật định để quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử sơ thẩm. Nếu quyết định đưa vụ án ra xét xử thì đảm bảo cho việc mở phiên tòa và hiệu lực thi hành bản án. Nếu không quyết định đưa vụ án ra xét xử thì quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc tạm đình chỉ hay đình chỉ vụ án. Việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có được chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật hay không đều phụ thuộc phần lớn vào các hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Mục đích của chuẩn bị xét xử sơ thẩm là chuẩn bị các điều kiện cần và đủ để vụ án được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, có căn cứ pháp luật; đảm bảo quyền và lợi ích cho những người tham gia tố tụng. Đây là hoạt động không thể thiếu trong tố tụng hình sự nói chung và hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự nói riêng. BLTTHS năm 2003 tuy vẫn còn những điểm còn phải tiếp tục hoàn thiện nhưng với những quy định tiên bộ đã giúp cho hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự đạt được hiệu quả.

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự không chỉ được quy định tại “Chương XVII Chuẩn bị xét xử” mà còn được điều chỉnh đồng thời bởi nhiều điều luật khác trong BLTTHS năm 2003 và một số văn bản pháp luật khác.

Chương 2

THỰC TIỄN THI HÀNH QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH BẮC NINH

2.1. Tổng quan kết quả thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bắc Ninh

2.1.1. Thực tiễn thụ lý vụ án hình sự sơ thẩm và kết quả giải quyết tại tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

*. Thực tiễn thụ lý

Bắc Ninh là tỉnh đồng bằng, diện tích nhỏ, có vị trí giáp với thủ đô Hà Nội, có nhiều tuyến Quốc lộ chạy qua. Đặc biệt đây là địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp lớn ở miền Bắc, thu hút nhiều lao động trong và ngoài nước. Với vị trí địa lý như vậy nên có nhiều thuận lợi lớn cho sự phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nhưng cũng tiềm ẩn về các vấn đề chính trị xã hội, đặc biệt là tình hình tội phạm ngày càng gia tăng, tính chất mức độ phức tạp.

TAND 02 cấp tỉnh Bắc Ninh được thành lập từ khi tái lập tỉnh vào năm 1997, gồm có: TAND tỉnh Bắc Ninh và 08 TAND cấp huyện là: các huyện Gia Bình, Lương Tài, Quế Võ, Thuận Thành, Tiên Du và Yên Phong; thị xã Từ Sơn và thành phố Bắc Ninh.

Năm 2011 hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh có 52 Thẩm phán, trong đó TAND tỉnh Bắc Ninh có 12 Thẩm phán, 08 TAND cấp huyện có 40 Thẩm phán. Đến năm 2016 hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh có 54 Thẩm phán, trong đó TAND tỉnh Bắc Ninh có 12 Thẩm phán, 08 TAND cấp huyện có 42 Thẩm phán.

Theo báo cáo công tác tổng kết của TAND tỉnh Bắc Ninh cho thấy từ năm 2011 đến năm 2016 hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đã thụ lý một số lượng rất lớn vụ án các loại, trong đó riêng về xét xử án hình sự theo thủ tục sơ thẩm là rất lớn, cụ thể: *xem Phụ lục 1 của luận văn*. Theo số liệu tại Phụ lục 1 của luận văn cho thấy, tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đã thụ lý là 6111 vụ/13.187 bị cáo; trong đó TAND cấp huyện thụ lý 5659 vụ/11.511 bị cáo

(chiếm 82,60% số vụ và 87,29% số bị cáo), TAND tỉnh thụ lý 452 vụ/1676 vụ (chiếm 17,40% số vụ và 12,71% số bị cáo);

Số lượng các vụ án hình sự hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh thụ lý theo thủ tục sơ thẩm có xu hướng tăng, giảm không đều nhưng có xu hướng tăng dần, trong đó phần lớn các vụ án do TAND cấp huyện thụ lý giải quyết, cụ thể:

TAND cấp huyện: năm 2012 thụ lý tổng số 958 vụ/2014 bị cáo; tăng 238 vụ/480 bị cáo so với năm 2011 (tăng 33,05% số vụ và 31,29% số bị cáo). Năm 2013 thụ lý 917 vụ/1873 bị cáo; giảm 41 vụ/141 bị cáo. Năm 2014 thụ lý 1025 vụ/2236 bị cáo; tăng 108 vụ/363 bị cáo so với năm 2013 (tăng 11,7% vụ và 19,38% số bị cáo). Đến năm 2015 thụ lý 1029 vụ/1974 bị cáo; tăng 04 vụ nhưng lại giảm 262 số bị cáo so với năm 2014. Năm 2016 thụ lý 1010 vụ/ 1880 bị cáo; giảm 19 vụ/94 bị cáo.

TAND tỉnh Bắc Ninh: Năm 2012 thụ lý tổng số 88 vụ/233 bị cáo; tăng 30 vụ/16 bị cáo so với năm 2011. Năm 2013 giảm 08 vụ/117 bị cáo so với năm 2012. Đến năm 2014, số lượng thụ lý các vụ án hình sự tăng 06 vụ/135 bị cáo so với năm 2013; giảm 02 vụ so với 2012 nhưng số lượng bị cáo lại tăng 252 bị cáo so với năm 2012; so với năm 2011, số lượng vụ án hình sự năm 2014 tăng 28 vụ/268 bị cáo (tăng 48,27% số vụ và số lượng bị cáo tăng gấp 2,24 lần). Năm 2015 số lượng án hình sự giảm còn 77 vụ/229 bị cáo; giảm 9 vụ/ 256 bị cáo so với năm 2014 (giảm 10,5% về số vụ và giảm 52,78 % về số bị cáo) và đến năm 2016 chỉ còn 63 vụ/ 162 bị cáo, giảm 14 vụ./67 bị cáo so với năm 2015 (giảm 18.19% về số vụ và giảm xấp xỉ 30 % số bị cáo).

**. Thực tiễn giải quyết*

Nhìn chung, trong thời gian qua hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện có hiệu quả các thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nên về cơ bản số lượng các vụ án được giải quyết đạt tỷ lệ cao, không có án tồn đọng quá hạn luật định, số lượng các vụ án chưa giải quyết ít, chủ yếu là những vụ mới thụ lý. Việc nghiên cứu hồ sơ được các Thẩm phán chú trọng trên cơ sở tinh thần trách nhiệm cao nên các quyết định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được ban hành đảm bảo đúng pháp luật, tạo tiền đề cho việc mở phiên tòa xét xử được thuận lợi, đạt kết quả cao.

Theo báo cáo của TAND tỉnh Bắc Ninh, từ năm 2011 đến 2016, tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đã giải quyết 6080 vụ/13.032 bị cáo, trong đó xét xử 5663 vụ/11.873 bị cáo; trả hồ sơ để điều tra bổ sung 387 vụ/1097 bị cáo; tạm đình chỉ 15 vụ/31 bị cáo; đình chỉ xét xử 15 vụ/31 bị cáo, cụ thể: *Xem Phụ lục số 02 của luận văn*. Qua phụ lục số 02 của luận văn cho thấy từ năm 2011 đến năm 2016 tỷ lệ số vụ án hình sự đã được giải quyết tính trên số vụ thụ lý là rất cao, bình quân mỗi năm cứ một Thẩm phán phải giải quyết từ 64 đến 65 vụ án, Thẩm phán của TAND cấp huyện giải quyết từ 70 đến 71 vụ/năm. Theo quy định tại Công văn số 146/TCCB ngày 03/4/2009 của TAND tối cao yêu cầu bình quân mỗi Thẩm phán phải giải quyết 60 vụ/năm. Như vậy, số lượng án mà các Thẩm phán hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh luôn cao hơn nhiều so với chỉ tiêu số lượng mà TAND tối cao quy định. Số lượng các vụ án hình sự do TAND cấp huyện và TAND tỉnh Bắc Ninh giải quyết từ năm 2011 đến năm 2016 có xu hướng tăng, giảm không đều, cụ thể: năm 2012 thụ lý tổng số 1046 vụ/2246 bị cáo; *tăng* 268 vụ/496 bị cáo so với năm 2011. Năm 2013 thụ lý tổng số 997 vụ/ 2223 bị cáo; *giảm* 49 vụ/24 bị cáo so với năm 2012. Năm 2014 thụ lý tổng số 1111 vụ/2721 bị cáo; *tăng* 114 vụ/498 bị cáo so với năm 2013. Năm 2015 thụ lý tổng số 1106 vụ/2203 bị cáo; *giảm* 04 vụ/518 bị cáo so với năm 2014. Năm 2016 tổng số thụ lý 1073 vụ/2043 vụ; *giảm* 33 vụ/161 bị cáo so với năm 2015.

Trong tổng số 6080 vụ/13.032 bị cáo đã được giải quyết thì TAND cấp huyện đã giải quyết 5630 vụ/11.367 bị cáo (chiếm 92,59% số vụ và 85% số bị cáo); còn lại TAND tỉnh Bắc Ninh giải quyết 450 vụ/1665 bị cáo (chiếm 7,41% số vụ và 14,64% số bị cáo), cụ thể:

TAND cấp huyện: năm 2011 thụ lý 720 vụ/1534 bị cáo; đã giải quyết 818 vụ/1509 bị cáo (chiếm 99,72% số vụ). Năm 2012 thụ lý 958 vụ/2014 bị cáo; đã giải quyết 956 vụ/1999 bị cáo (chiếm 99,25% số vụ). Năm 2013 thụ lý 917 vụ/1873 bị cáo; đã giải quyết 906 vụ/1814 bị cáo (chiếm 98,8% số vụ). Năm 2014 thụ lý 1025 vụ/2236 bị cáo; đã giải quyết 1019 vụ/2201 bị cáo (chiếm 99,4% số vụ). Năm 2015 thụ lý 1029 vụ/1974 bị cáo; đã giải quyết 1022 vụ/ 1965 bị cáo (99,54 số vụ). Năm 2016 thụ lý 1010 vụ/1880 bị cáo; đã giải quyết 1009 vụ/11.368 bị cáo.

TAND tỉnh Bắc Ninh: từ năm 2011 đến năm 2016 thì có 04 năm đạt tỷ lệ giải quyết xong 100% số vụ án đã thụ lý, chỉ có năm 2012 và 2014 mỗi năm còn tồn lại 01 vụ, cụ thể: năm 2011 thụ lý 58 vụ/217 bị cáo; đã giải quyết 58 vụ/217 bị cáo (100%). Năm 2012 thụ lý 88 vụ/233 bị cáo; đã giải quyết 87 vụ/230 bị cáo (98,86%). Năm 2013 thụ lý 80 vụ/350 bị cáo; đã giải quyết 80 vụ/350 bị cáo (100%). Năm 2014 thụ lý 86 vụ/485 bị cáo; đã giải quyết 85 vụ/477 bị cáo (98,8%). Năm 2015 thụ lý 77 vụ/229 bị cáo; đã giải quyết 77 vụ/229 bị cáo (100%). Năm 2016 thụ lý 63 vụ/162 bị cáo; đã giải quyết 63 vụ/162 bị cáo (100%).

2.1.2. Đánh giá kết quả thực tiễn thi hành quy định của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bắc Ninh

****. Thực tiễn thi hành quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử***

Thực tiễn hoạt động chuẩn bị xét xử các vụ án hình sự từ thực tiễn tại Bắc Ninh cho thấy, hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, không có trường hợp nào quá thời, trong đó có rất nhiều vụ án phức tạp, nghiêm trọng nhưng chưa hết thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã chuẩn bị xong để mở phiên tòa. Điều này cũng là sự thể hiện tính tích cực, trách nhiệm và năng lực của người tiến hành tổ tụng trong hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự của TAND hai cấp tỉnh Bắc Ninh.

Ví dụ: Tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 29/3/2013 do TAND huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết đối các bị cáo Nguyễn Bá Toàn, Nguyễn Đình Tú, Nguyễn Đình Minh bị VKS huyện Quế Võ truy tố về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 139 BLHS (với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS). Căn cứ vào tính chất, mức độ của tội phạm theo cáo trạng của VKS huyện Quế Võ đã truy tố là tội phạm rất nghiêm trọng. Theo quy định, thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa đối với vụ án này là bốn tháng kể từ ngày thụ lý vụ án ngày 05/02/2013 nhưng đến ngày 29/3/2013 (Một tháng hai mươi bốn ngày kể từ ngày thụ lý vụ án) TAND huyện Quế Võ đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và được mở phiên tòa xét xử ngày 29/3/2013.

**. Thực tiễn áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn*

Theo báo cáo của TAND tỉnh Bắc Ninh, từ năm 2011 đến năm 2016, việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn được 100% các Tòa án hai cấp áp dụng. Tuy nhiên, không phải các Tòa án đều áp dụng đầy đủ tất cả các biện pháp ngăn chặn, mà chỉ áp dụng, thay đổi, hủy bỏ một số biện pháp ngăn chặn nhất định. Hiện nay, chưa có số liệu thống kê cụ thể về tỷ lệ áp dụng, thay đổi, hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn nhưng nhìn chung tạm giam là biện pháp phổ biến nhất được 100% các Tòa án đều áp dụng và đây cũng là biện pháp chiếm tỷ lệ đa số. Thực tiễn, Tòa án thường chỉ hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi thuộc các trường hợp đình chỉ vụ án theo quy định tại Điều 180 BLTTHS hoặc khi thấy không còn cần thiết áp dụng biện pháp ngăn chặn nữa, như bị can, bị cáo đang bị tạm giam già yếu, mắc bệnh hiểm nghèo, người đã khởi tố rút yêu cầu trước khi mở phiên tòa, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi... Biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú và biện pháp Bảo lãnh có một số ít vụ án, tuy nhiên hầu hết các Thẩm phán áp dụng các biện pháp này tương đối thận trọng nên chưa có trường hợp nào sai phạm. Riêng biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo chưa có Tòa án nào áp dụng.

**. Thực tiễn ra các quyết định*

Từ năm 2011 đến năm 2016, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành số lượng quyết định rất lớn với 6080 quyết định (tương ứng với 6080 vụ án/13.032 bị cáo) trên tổng số thụ lý là 6111 vụ/13.187 bị cáo (99,49% số vụ/98,82% số bị cáo), trong đó quyết định đưa vụ án ra xét xử 5307 vụ/10.631 bị cáo; quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung 387 vụ/1097 bị cáo; tạm đình chỉ 15 vụ/31 bị cáo; đình chỉ 15 vụ/31 bị cáo. Theo báo cáo của TAND tỉnh Bắc Ninh, xem **Phụ lục 3 của luận văn** cho thấy:

- *Quyết định đưa vụ án ra xét xử*: Từ năm 2011 đến 2016 thì tỷ lệ số vụ đưa ra xét xử tuy cũng tăng, giảm tương ứng theo tổng số vụ đã thụ lý nhưng nhìn chung số vụ án hình sự đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ rất cao, cụ thể: năm 2012 đưa ra xét xử tổng số 1043 vụ/2127 bị cáo; tăng 267 vụ/603 bị cáo so với năm 2011 (tăng 33,64% số vụ và 39,56% số bị cáo). Năm 2013 đưa ra xét xử 944 vụ/2029 bị cáo; giảm 59 vụ, 98 bị cáo so với năm 2012 (giảm 5,88% số vụ và 4,60% bị cáo). Năm 2014 đưa

ra xét xử 1063 vụ/2499 bị cáo; tăng 119 vụ/470 bị cáo so với năm 2013 (tăng 12,60% số vụ và 23,16% số bị cáo). Năm 2015 đưa ra xét xử 928 vụ/1869 bị cáo; giảm 135 vụ, 630 bị cáo so với năm 2014 (giảm 12,69% số vụ và 25,21% số bị cáo). Năm 2016 đưa ra xét xử 991 vụ/1825 bị cáo; tăng 63 vụ nhưng lại giảm 44 bị cáo so với năm 2015 (tăng 6,76% số vụ và giảm 2,35%).

Thực tiễn xét xử, hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đều tuân thủ áp dụng đúng quy định tại Điều 178 BLTTHS, tuy nhiên rất nhiều các quyết định đưa vụ án ra xét xử các Thẩm phán chỉ ghi vắn tắt đủ các thông tin cơ bản nhưng không trái với quy định và được Tòa án tỉnh Bắc Ninh chấp nhận. Một số Tòa án không ghi đầy đủ họ, tên Hội thẩm, kiểm sát viên, người bào chữa; họ tên những người được triệu tập đến phiên tòa; vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa. Cá biệt, vẫn còn một số vụ án, Thẩm phán chưa chú trọng đúng mức, chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa của quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo là người chưa thành niên nhưng thành phần Hội đồng xét xử không có Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên.

- *Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung*: Từ năm 2011 đến năm 2016, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung ở mức tăng, giảm không đáng kể, cụ thể: năm 2011 ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung 36 vụ/186 bị cáo (tỷ lệ 4,62% trên tổng số vụ thụ lý). Năm 2012 ra quyết định 36 vụ/94 bị cáo; bằng với số vụ năm 2011 nhưng giảm hơn gấp 2 lần số bị cáo (tỷ lệ 3,44% trên số thụ lý). Năm 2013 ra quyết định 41 vụ/134 bị cáo (tỷ lệ 4,11% trên số thụ lý). Năm 2014 ra quyết định 39 vụ/171 bị cáo (tỷ lệ 3,51). Năm 2015 ra quyết định 160 vụ/307 bị cáo (14,46% số thụ lý). Năm 2016 ra quyết định 75 vụ/205 bị cáo (tỷ lệ 6,98%)

Tổng số vụ án hình sự mà Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung từ năm 2011 đến năm 2016 là 387 vụ/1097 bị cáo, theo đó: TAND *tỉnh* Bắc Ninh trả tổng số 93 vụ/420 bị cáo, cụ thể: năm 2011 trả 13 vụ/104 bị cáo; năm 2012 trả 12 vụ/34 bị cáo; Năm 2013 trả 15 vụ/81 bị cáo; Năm 2014 trả 16 vụ/104 bị cáo; năm 2015 trả 19 vụ/42 bị cáo; năm 2016 trả 18 vụ/55 bị cáo. TAND *cấp huyện* trả tổng số 294 vụ/677 bị cáo, cụ thể: năm 2011 trả 23 vụ/82/ bị

cáo; năm 2012 trả 24 vụ/60 bị cáo; năm 2013 trả 26 vụ/53 bị cáo; năm 2014 trả 23 vụ/67 bị cáo; năm 2015 trả 141 vụ/265 bị cáo. Năm 2016 trả 57 vụ/150 bị cáo.

Nhìn chung, số lượng các vụ án hình sự mà hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ năm 2011 đến 2016 có sự tăng nhẹ và không đều giữa các năm, trong đó năm thấp nhất là 3,44%. Đáng chú ý là năm 2015, số lượng vụ án hình sự của Tòa án hai cấp tỉnh Bắc Ninh phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung tăng đột biến 160 vụ, gần bằng tổng số vụ án hình sự bị trả hồ sơ điều tra bổ sung của bốn năm trước đó cộng lại (tăng gấp 4,1 lần so với năm 2014, chiếm tỷ lệ cao nhất 14,46%). Sang năm 2016, số lượng các vụ án bị trả hồ sơ điều tra bổ sung giảm đáng kể so với năm 2015, giảm 85 vụ.

Về số lượng các vụ án mà Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung không có căn cứ và không được Viện Kiểm sát chấp nhận chiếm tỷ lệ thấp, cụ thể: **Xem Phụ lục 04 của luận văn.** Qua Phụ lục 04 của luận văn cho thấy, năm 2011, trong toàn tỉnh Bắc Ninh chỉ có 07 vụ Viện Kiểm sát không chấp nhận (tỷ lệ 19,45%). Năm 2012, số vụ không được chấp nhận là 05 vụ (tỷ lệ 13,89%). Năm 2013 và 2014 số vụ không được chấp nhận là 07 vụ (tỷ lệ hơn 17%). Năm 2015 số vụ không được chấp nhận 15 vụ (tỷ lệ 9,38%). Năm 2016 số vụ không được chấp nhận 11 vụ (tỷ lệ 14,67%). Điều này thể hiện năng lực chuyên môn tương đối đồng đều và có sự phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng tại tỉnh Bắc Ninh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự qua các giai đoạn tố tụng.

Trong số các vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì các loại tội phạm về ma túy chiếm đa số. Nguyên nhân của việc tăng đột biến năm 2015 về số vụ trả hồ sơ điều tra bổ sung bởi lẽ: Theo Thông tư hướng dẫn số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS năm 1999: “Trong mọi trường hợp, khi thu được các chất nghi là ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại, hàm lượng, trọng lượng chất ma túy, tiền chất”. Tuy nhiên, thực tiễn qua công tác giám đốc thẩm việc xét xử các vụ án hình sự cho thấy, còn thiếu trường hợp TAND cấp huyện và cấp tỉnh chỉ căn cứ vào kết quả giám định về trọng lượng của các chất nghi là ma túy để

xét xử kết tội các bị cáo, mà không yêu cầu xác định hàm lượng chất ma túy trong các chất thu được đó. Nghĩa là, thực tiễn nhiều TAND trong đó có TAND hai cấp tỉnh Bắc Ninh đã áp dụng không đúng quy định của BLHS và hướng dẫn của liên ngành. Để khắc phục tình trạng này, ngày 19/9/2014 TAND tối cao đã có văn bản yêu cầu các TAND cấp tỉnh, cấp huyện và Tòa án quân sự các cấp cần triển khai thực hiện đúng hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17 về việc bắt buộc phải giám định hàm lượng của các chất ma túy trong các chất thu giữ nghi là chất ma túy, lấy đó làm căn cứ xét xử kết tội bị cáo theo quy định tại chương XVIII “Các tội về ma túy” của BLHS 1999 [50]. Do vậy, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với hầu hết các vụ án phạm tội về ma túy nhằm khắc phục những thiếu sót mà các giai đoạn trước đó đã mắc phải. Đến năm 2016, tuy số vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vẫn còn cao so với các năm từ 2011 đến năm 2014, nhưng so với năm 2015 đã giảm xuống quá ½ tổng số vụ (giảm 2,13 lần). Nguyên nhân của việc giảm số vụ án hình sự trả hồ sơ để điều tra bổ sung, bởi lẽ các cơ quan có thẩm quyền đã kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn Thông tư số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17) cho các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đúng đắn và thống nhất quy định của BLHS 1999 tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” [07].

Theo số liệu thống kê của TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến năm 2016 thì hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung là 387 vụ, trong đó theo các căn cứ như sau: 232 vụ (chiếm 59,94%) trả vì lý do cần xem xét thêm chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; 77 vụ (chiếm 19,89%) trả hồ sơ để khởi tố bổ sung vì có căn cứ bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác; 78 vụ (chiếm 20,17%) trả vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

+ Trả hồ sơ khi cần xem xét thêm chứng cứ quan trọng đối với vụ án theo điểm a khoản 1 Điều 179 BLTTHS năm 2003 là: Năm 2011 trả 22 vụ/36 vụ án đã trả (tỷ lệ 63,88%). Năm 2012 trả 25 vụ/36 vụ (tỷ lệ 69,44%). Năm 2013 trả 25

vụ/41 vụ (tỷ lệ 60,97%). Năm 2014 trả 20 vụ/39 vụ (tỷ lệ 51,28%). Năm 2015 trả 93 vụ/160 vụ (tỷ lệ 58,12%). Năm 2016 trả 46 vụ/75 vụ (tỷ lệ 61,66%).

+ Trả hồ sơ khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 179 BLTTHS năm 2003 là: Năm 2011 trả 07 vụ/30 vụ (tỷ lệ 19,45%). Năm 2012 trả 06 vụ/36 vụ (tỷ lệ 16,68%). Năm 2013 trả 08 vụ/41 vụ (tỷ lệ 12,21%). Năm 2014 trả 09 vụ/39 vụ (tỷ lệ 23,09%). Năm 2015 trả 34/160 vụ (tỷ lệ 21,25%). Năm 2016 trả 13 vụ/75 vụ (tỷ lệ 17,01%).

+ Trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi phát hiện có vi phạm Nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 179 BLTTHS năm 2003 là: Năm 2011 trả 04 vụ/36 vụ (tỷ lệ 11,11%). Năm 2012 trả 05 vụ/36 vụ (tỷ lệ 13,88%). Năm 2013 trả 8 vụ/41 vụ (tỷ lệ 19,51%). Năm 2014 trả 10 vụ/39 vụ (tỷ lệ 25,63%). Năm 2015 trả 33 vụ/160 vụ (tỷ lệ 20,62%). Năm 2016 trả 16 vụ/trên 75 vụ (tỷ lệ 21,33%).

Nhìn chung số vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì nguyên nhân thiếu chứng cứ quan trọng chiếm phần lớn, luôn ở mức trên dưới 60%. Số vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì lý do có đồng phạm, phạm tội khác chiếm tỷ lệ xấp xỉ 20% và do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng chiếm tỷ lệ 20%, cụ thể: ***Xem Phụ lục số 5 của luận văn.*** Nguyên nhân là do giữa Tòa án và Viện kiểm sát không thống nhất được với nhau về đánh giá chứng cứ. Tòa án thì cho rằng thiếu chứng cứ này là thiếu chứng cứ quan trọng nhưng Viện kiểm sát thì cho rằng chứng cứ đã đầy đủ, dẫn đến việc Tòa án cứ trả hồ sơ, còn Viện kiểm sát không điều tra bổ sung mà tiếp tục chuyển nguyên trạng hồ sơ sang Tòa án. Do không có sự thống nhất trong đánh giá chứng cứ quan trọng nên số vụ án trả hồ sơ không được VKSND chấp nhận luôn chiếm tỷ lệ cao.

Ngoài ra theo quy định tại khoản 2 Điều 121 BLTTHS, thì Tòa án chỉ trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần, tuy nhiên, không quy định rõ là trước khi mở phiên tòa hay tại phiên tòa xét xử, mà chỉ quy định căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung ở giai đoạn chuẩn bị xét xử tại khoản 1 Điều 179 BLTTHS, không quy định trong giai đoạn xét xử tại phiên tòa nên cách hiểu còn chưa thống nhất dẫn đến các Tòa án áp dụng khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng Tòa án chỉ trả hồ sơ để

điều tra bổ sung không quá hai lần là bao gồm cả trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và giai đoạn tại phiên tòa. Quan điểm thứ hai lại cho rằng, BLTTHS quy định giới hạn trả hồ sơ không quá hai lần là chỉ đối với Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mà không quy định giới hạn đối với Hội đồng xét xử trong giai đoạn xét xử tại phiên tòa. Thực tế có những vụ án khi chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần nhưng VKS vẫn không bổ sung những vấn đề mà Tòa án yêu cầu nên Tòa án phải “né” bằng cách cứ mở phiên tòa rồi Hội đồng xét xử lại quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Mặc dù Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán đã quy định trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án nếu phát hiện thấy vấn đề cần điều tra bổ sung, thì vẫn phải nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án để xem xét có vấn đề nào khác cần điều tra bổ sung hay không. Chỉ ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ hai trong trường hợp những vấn đề yêu cầu điều tra bổ sung trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ nhất chưa được điều tra bổ sung hoặc tuy đã điều tra bổ sung nhưng chưa đạt yêu cầu hoặc từ kết quả điều tra điều sung xét thấy cần điều tra bổ sung vấn đề mới. Tuy nhiên, việc có điều tra bổ sung được hay không lại hoàn toàn phụ thuộc vào cơ quan điều tra nên có vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung đến ba, bốn lần vẫn không có kết quả.

- *Quyết định tạm đình chỉ vụ án*: Từ năm 2011 đến 2016 hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh ra quyết định tạm đình chỉ vụ án hình sự sơ thẩm rất thấp, tỷ lệ tạm đình chỉ tính trên tổng số vụ thụ lý năm cao nhất chỉ là 0,63%, thấp nhất là 0%. cụ thể: Năm 2011 ra quyết định tạm đình chỉ 04 vụ/14 bị cáo. Năm 2012 ra quyết định tạm đình chỉ 01 vụ/03 bị cáo. Năm 2013 và 2014 không tạm đình chỉ vụ án nào. Riêng năm 2015 tạm đình chỉ 07 vụ/10 bị cáo; tăng gấp 7 lần số vụ so với năm 2012 và gấp 1,75 lần so với năm 2011. Năm 2016 tạm đình chỉ 03 vụ, 04 bị cáo, cụ thể: **Xem phụ lục số 6 của luận văn** cho thấy 100% số vụ án do Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ đều không bị VKS kháng nghị. Điều này thể hiện hiệu quả của công tác chuẩn bị xét xử sơ thẩm của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh, đảm bảo tuân thủ áp dụng đúng các quy định của pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Khác với giai đoạn điều tra, nếu cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra và khi lý do tạm đình chỉ không còn nữa thì CQĐT ra quyết định phục hồi điều tra theo quy định tại Điều 165 BLTTHS. Nhưng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, BLTTHS năm 2003 không quy định phục hồi vụ án khi lý do tạm đình chỉ, tuy nhiên thực tiễn hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đã vận dụng các quy định về phục hồi giải quyết vụ án cho phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tiễn xét xử. Điều này đã thể hiện được sự linh hoạt của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh trong việc áp dụng quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng của hoạt động xét xử, khắc phục những hạn chế, quy định chưa hoàn thiện.

- *Quyết định đình chỉ vụ án*: Từ năm 2011 đến 2016 số vụ đã ra quyết định đình chỉ vụ án hình sự của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh là khá thấp, mỗi năm chỉ từ 1 đến 4 vụ trên tổng số hàng nghìn vụ đã thụ lý, cụ thể như sau: năm 2011 ra quyết định đình chỉ 2 vụ/2 bị cáo; năm 2012 ra quyết định đình chỉ 3 vụ/5 bị cáo; năm 2013 ra quyết định đình chỉ 1 vụ/1 bị cáo; năm 2014 ra quyết định đình chỉ 2 vụ/8 bị cáo; năm 2015 ra quyết định đình chỉ 4 vụ/8 bị cáo; năm 2016 ra quyết định đình chỉ 3 vụ/7 bị cáo, cụ thể: ***Xem phụ lục số 07 của luận văn***. Các quyết định đình chỉ vụ án đều do TAND cấp huyện ban hành; TAND tỉnh Bắc Ninh không ra quyết định đình chỉ vụ án nào. Đặc biệt 100% quyết định đình chỉ được ban hành không bị Viện Kiểm sát kháng nghị đã thể hiện những vụ án Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã ra quyết định đình chỉ vụ án đều đúng quy định của pháp luật, đúng trình tự, thủ tục tố tụng hình sự, đồng thời khắc phục những thiếu sót mà các giai đoạn tố tụng trước đó chưa thực hiện đúng. Kết quả này cũng khẳng định được năng lực chuyên môn của các Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh trong thời gian qua khi tiến hành các hoạt động tố tụng ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và tiếp tục ngày càng được nâng lên, cũng như có sự phối kết hợp ngày càng chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng tại tỉnh Bắc Ninh.

- *Thực tiễn thi hành các quy định khác*

+ Việc giao các quyết định của Tòa án: Nhìn chung, hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đều đảm bảo thực hiện việc giao các quyết định của Tòa án theo đúng quy định tại Điều 182 BLTTHS, cụ thể như sau:

Quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa. Thời gian giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo, người đại diện hợp pháp được đảm bảo chậm nhất là mười ngày trước ngày mở phiên tòa. Ngoài ra, quyết định đưa vụ án ra xét xử được hầu hết các Tòa án đều niêm yết tại trụ sở chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc nơi làm việc cuối cùng của bị cáo. Thực tiễn tại hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh thường giao quyết định của Tòa án bằng hai hình thức phổ biến, đó là:

Giao trực tiếp: Thẩm phán hoặc Thư ký Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương (cán bộ tư pháp hoặc công an xã) giao trực tiếp. Việc giao nhận quyết định được lập biên bản giao nhận có chữ ký của người được giao hoặc xác nhận của chính quyền địa phương

Gửi qua đường bưu điện hoặc qua Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo đang bị tạm giam thì giao thông qua trại tạm giam.

+ Triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa: Theo quy định tại Điều 183 BLTTHS năm 2003 thì căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa. Tùy từng vụ án cụ thể mà những người cần triệu tập có thể bao gồm: bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bị hại, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự vv... Đối với bị cáo đang bị tạm giam thì Thẩm phán ký lệnh trích xuất bị cáo đến Ban giám thị nơi tạm giam bị cáo. Tùy từng đối tượng cụ thể có hình thức triệu tập phù hợp, tuy nhiên, hình thức triệu tập được hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh thực hiện phổ biến là gửi qua đường bưu điện hoặc qua UBND cấp xã. Việc giao cho người có tên trong giấy triệu tập, có chữ ký của họ vào cuống giấy triệu tập. Nếu người được triệu tập không có nhà thì giao cho người thân của họ và lập biên bản nội dung thể hiện người nhận giấy triệu tập cam kết sẽ giao giấy triệu tập cho người được triệu tập;

2.2. Những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn thi hành quy định của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Bắc Ninh và nguyên nhân

2.2.1. Những vi phạm, sai lầm

**. Vi phạm, sai lầm trong áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam:* BLTTHS năm 2003 quy định tạm giam chỉ có thể được áp dụng khi có căn cứ quy định tại Điều 88 BLTTHS. Do thuộc thẩm quyền của Chánh án, Phó Chánh án nên trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, nếu có căn cứ thì Thẩm phán báo cáo và đề xuất với Chánh án hoặc Phó Chánh án áp dụng biện pháp tạm giam. Thời hạn ra quyết định tạm giam không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 176 BLTTHS. Có nghĩa là thời hạn tạm giam có thể ít hơn hoặc bằng nhưng không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Hiện nay đối với hầu hết các Tòa án trên cả nước nói chung và hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh nói riêng, do tâm lý lo xa, cầu toàn của Thẩm phán nên việc áp dụng biện pháp tạm giam còn khá phổ biến, các Thẩm phán quá dè dặt khi áp dụng biện pháp khác, mặc dù nhiều trường hợp có đủ điều kiện để có thể thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn khác. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế việc áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn khác. Thực tiễn tại tỉnh Bắc Ninh rất ít trường hợp bị can, bị cáo được Tòa án thay đổi biện pháp ngăn chặn mà trước đó đã được cơ quan điều tra, truy tố áp dụng biện pháp Tạm giam; trừ một số trường hợp bị can, bị cáo đang áp dụng biện pháp bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án thì Tòa án mới thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp tạm giam để đảm bảo cho việc xét xử. Ngoài ra, trong một số trường hợp, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị can đang bị tạm giam thì thời hạn tạm giam đã hết nhưng Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa “quên” không đề nghị Chánh án hoặc Phó Chánh án ra lệnh tạm giam

**. Vi phạm, sai lầm trong việc ra các quyết định*

Thứ nhất, Vi phạm, sai lầm trong việc Thẩm được phân công chủ tọa phiên tòa khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quyết định đưa vụ án ra xét xử được quy định tại Điều 178 BLTTHS, theo đó nội dung quyết định phải ghi rõ 10 mục: Họ

tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của bị cáo; tội danh và điều khoản của BLHS mà Viện kiểm sát áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo; ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm mở phiên tòa; họ, tên Thẩm phán, Hội thẩm, thư ký Tòa án, họ, tên Thẩm phán dự khuyết, Hội thẩm dự khuyết, nếu có; họ, tên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, họ, tên Kiểm sát viên dự khuyết, nếu có...Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại tiểu mục 3.1, mục 3 phần I cũng quy định rõ “Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải ghi rõ đầy đủ nội dung quy định tại Điều 178 BLTTHS”. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử từ năm 2011 đến 2016 khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, vẫn còn nhiều Thẩm phán hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh do chưa chú trọng đúng mức, chưa nhận thức đúng và đầy đủ ý nghĩa pháp lý của quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định đưa vụ án ra xét xử có một số vi phạm, sai lầm như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử thiếu họ, tên Hội thẩm nhân dân hoặc chỉ ghi tên Hội thẩm nhân dân, không ghi chức vụ, nơi công tác. Nội dung này đặc biệt có ý nghĩa quan trọng trong các vụ án có người phạm tội là người chưa thành niên. Một số trường hợp không phân công Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân dự khuyết nhưng vẫn có tên trong quyết định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử không đầy đủ tên những người tham gia tố tụng, hoặc xác định không đúng tư cách người tham gia tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Hội thẩm tham gia phiên tòa không đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thực tiễn xét xử tại Bắc Ninh đã xảy ra khá nhiều trường hợp Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa có sự thay đổi so với Hội thẩm nhân dân được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đặc biệt vào dịp cuối năm, nhiều Hội thẩm nhân dân kê cả dự khuyết từ chối tham gia phiên tòa nên phải hoãn phiên tòa. Ngoài ra, Quyết định đưa vụ án ra xét xử không ghi vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa, dẫn đến chưa trích xuất vật chứng đến phiên tòa, hậu quả là tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khai nhận khác nhau về đặc điểm của vật chứng thì không có chứng cứ để xem xét đối chiếu. Có trường hợp chủ tọa phiên tòa phải tạm ngừng phiên tòa để làm văn bản yêu cầu cơ quan quản lý vật chứng là

Cơ quan thi hành án dân sự trích xuất vật chứng đến phiên tòa để làm rõ, dẫn đến kéo dài thời gian xét xử.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Văn Thủy, trú tại thôn 8, xã Minh Lương, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ bị VKS thành phố Bắc Ninh truy tố về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo khoản 1 Điều 202 BLHS. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. HTND ghi trong quyết định gồm có ông Trịnh Chử và bà Đỗ Thị Thu. Tuy nhiên, ngày mở phiên tòa, HTND tham gia xét xử lại là ông Lê Văn Chương và ông Lê Văn Hiếu (Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2012/HSST-QĐ ngày 16/11/2012). Hậu quả là tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Thủy đã đề nghị hoãn phiên tòa vì chưa có thời gian tìm hiểu về HTND đó và vụ án đã phải hoãn phiên tòa.

Những vi phạm, sai lầm nêu trên chính là những thiếu sót cần phải được khắc phục, bởi lẽ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử vừa là văn bản pháp lý nhưng lại mang tính chất hành chính nên phải đảm bảo quy định của pháp luật cả về nội dung lẫn hình thức. Với những nội dung quy định tại Điều 178 BLTTHS thì quyết định đưa vụ án ra xét xử sẽ là cơ sở để xác định: Thành phần Hội đồng xét xử; xác định người bị đưa ra xét xử, thể hiện ở việc ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh của bị cáo; xác định người bị hại, người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vv...theo đó những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền như: yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, mời luật sư .. đảm bảo cho việc xét xử được khách quan; xác định giới hạn của việc xét xử, thể hiện ở việc ghi điều khoản theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố; xác định thời gian, địa điểm xét xử để người tham gia phiên tòa biết; Bên cạnh đó, ngày ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là căn cứ để xác định ngày mở phiên tòa sơ thẩm vì theo quy định tại Điều 182 BLTTHS thì quyết định đưa vụ án ra xét xử phải được giao cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ và người bào chữa chậm nhất là 10 ngày trước ngày mở phiên tòa vv..

Thứ hai, Vi phạm, sai lầm trong Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Điều 179 BLTTHS quy định Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử có mục đích nhằm khắc phục

những thiếu sót trong giai đoạn điều tra, truy tố, đảm bảo vụ án được giải quyết khách quan, toàn diện, đúng trình tự, thủ tục luật định. Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao và Thông tư liên tịch số 01/2010 ngày 27/8/2010 đã có hướng dẫn cụ thể. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử tại hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016 vẫn còn một số sai lầm, thiếu sót trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, một số trường hợp Tòa án trả hồ sơ không có căn cứ nên không được VKS chấp nhận. Theo số liệu thống kê trong sáu năm, từ năm 2011 đến năm 2016, hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung là 387 vụ, trong đó có 52 vụ Viện kiểm sát không chấp nhận và giữ nguyên quan điểm truy tố, chiếm 13,44%.

Những sai lầm, thiếu sót mà các Thẩm phán đã mắc phải trong việc trả hồ sơ điều tra bổ sung quy định tại *điểm a* khoản 1 Điều 179 BLTTHS năm 2003, cụ thể như sau:

- Trả hồ sơ lần thứ hai không đúng: Khoản 2 Điều 121 BLTTHS năm 2003 quy định Tòa án chỉ được trả hồ sơ không quá hai lần. Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của HĐTP TAND tối cao hướng dẫn: Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ nếu phát hiện thấy vấn đề cần điều tra bổ sung thì vẫn phải tiếp tục nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án để xem xét có vấn đề nào khác cần điều tra bổ sung hay không. Chỉ ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ hai trong trường hợp những vấn đề yêu cầu điều tra bổ sung trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ nhất chưa được điều tra bổ sung hoặc tuy đã điều tra nhưng chưa đạt yêu cầu hoặc từ kết quả điều tra bổ sung xét thấy cần điều tra bổ sung cần điều tra vấn đề mới. Tuy nhiên, thực tế tại hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh còn có những vụ án Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa chưa nghiên cứu kỹ toàn bộ các vấn đề trong hồ sơ vụ án nên khi mới phát hiện một vấn đề cần phải điều tra bổ sung thì đã nhanh chóng ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Sau đó, khi VKS đã điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án, chuyển hồ sơ lại thì Thẩm phán tiếp tục nghiên cứu và lại phát hiện vẫn còn vấn đề khác cần phải được điều tra bổ sung nên tiếp tục ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung lần thứ hai. Như vậy, trường hợp này, mặc dù Thẩm phán không trả hồ sơ quá hai lần nhưng việc trả hồ sơ điều tra bổ

sung lần thứ hai là không đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số 04. Nếu Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa nghiên cứu kỹ toàn bộ hồ sơ vụ án thì chỉ cần trả hồ sơ lần thứ nhất là đủ.

Ví dụ: Vụ án Chu Đức Tài, trú tại thôn Chùa, xã Đồng Chan, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, bị VKS thị xã Từ Sơn truy tố về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phát hiện bị can chưa được tổng đạt cáo trạng nên đã trả hồ sơ cho VKS. Sau khi VKS đã điều tra bổ sung theo yêu cầu, chuyển hồ sơ cho Tòa án, Thẩm phán lại phát hiện có căn cứ để cho rằng còn có đồng phạm khác cùng với Chu Đức Tài nên lại tiếp tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Trả hồ sơ để điều tra bổ sung không có căn cứ: Do không nghiên cứu kỹ hồ sơ hoặc chưa nghiên cứu hồ sơ một cách đầy đủ, toàn diện hoặc do nhận thức chưa đúng về quy định của pháp luật nên Thẩm phán đã ra quyết định trả hồ sơ không đúng căn cứ pháp luật nên không được VKS chấp nhận, hậu quả là làm cho việc giải quyết vụ án bị kéo dài. Hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng không nêu rõ vấn đề cần điều tra bổ sung hoặc chưa nêu rõ vấn đề thuộc căn cứ nào Điều 179 BLTTHS.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Văn Hiên (trú tại thành phố Bắc Ninh, Nguyễn Đức Biên (trú tại huyện Quế Võ) bị VKS tỉnh Bắc Ninh truy tố các bị can đồng phạm về các tội “Giết người”, “Cướp tài sản” và “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Do chưa nghiên cứu kỹ, đầy đủ hồ sơ và chưa nhận thức đúng các quy định về đồng phạm cho nên Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì cho rằng Biên không đồng phạm về tội giết người; tuy nhiên do không có căn cứ nên không được VKS chấp nhận. Vụ án sau đó đã được xét xử theo như cáo trạng truy tố của VKS (Bản án số 16/2013/HSST ngày 31/5/2013 của TAND tỉnh Bắc Ninh).

Nội dung vụ án như sau: Nguyễn Văn Hiên và Nguyễn Đức Biên đã nhiều lần cùng nhau đi bắt trộm chó để bán. Tối 22/10/2012, Hiên và Biên hẹn nhau đi bắt trộm chó, Hiên hẹn Biên đến nhà Hiên để cùng đi. Khi Biên đến, Hiên đã chuẩn bị công cụ, phương tiện gồm: 01 xe máy, 01 kích điện, 01 cần câu chó, 02 con dao phớ

tự chế và 01 con dao phóng lộn. Hiện còn gài trong cặp quần 01 khẩu súng có 03 viên đạn. Đến huyện Quế Võ, Hiền và Biên bắt trộm được 03 con chó và đem bán cho Ngô Duy Hoàn; sau đó đến khu đô thị An Huy, thành phố Bắc Ninh, nhìn thấy 02 con chó buộc ở góc cây số nhà A28. Biên xuống xe đến chỗ xích chó, dùng dao cắt dây buộc chó. Khi Biên đang cắt dây, anh Nguyễn Trung Hiếu từ trong nhà đi ra, hô ‘trộm chó’ và dùng cán chổi đánh Biên. Thấy vậy, Hiền xuống xe, đến đối diện, rút súng bắn một phát làm anh Hiếu chết. Sau khi bắn anh Hiếu, Hiền và Biên dắt con chó chạy và đem bán cùng với hai con chó đã trộm được trước đó được tổng số 3.000.000 đồng. Hiền và Biên chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng.

Một số trường hợp thiếu chứng cứ quan trọng, tuy nhiên trường hợp này có thể bổ sung được thông qua xét hỏi công khai tại phiên tòa nhưng Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa vẫn quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, dẫn đến lãng phí và kéo dài thời gian giải quyết vụ án hình sự.

Cùng với những thiếu sót nêu trên, thực tiễn hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh còn mắc những sai lầm, thiếu sót khi trả hồ sơ điều tra bổ sung quy định tại *điểm b* khoản 1 Điều 179 BLTTHS năm 2003, cụ thể như sau:

- Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung trong khi đủ căn cứ ra quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình nghiên cứu hồ sơ, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm. Trường hợp này, theo quy định thì Thẩm phán phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tuyên bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên, tại hai cấp tỉnh Bắc Ninh hầu hết các Thẩm phán đều trả hồ sơ để Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Văn Ngọc bị VKS huyện Quế Võ truy tố về Tội cố ý gây thương tích, trong vụ án này bị can không nhận tội vì cho rằng thương tích của người bị hại là do bị hại tự ngã, chứ không có tác động của bị cáo, các nhân chứng trong vụ án lại không có lời khai rõ ràng, luôn có sự mâu thuẫn, ngay cả lời khai của người bị hại cũng không thống nhất, không lý giải được vết thương của mình do vật gì gây ra.

Hoặc vụ án Dương Văn Phùng bị VKS thị xã Từ Sơn truy tố về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo không nhận tội, trong hồ sơ CQĐT không thu thập được

chúng cứ gì chứng minh bị can Phùng có hành vi lừa đảo, mà chỉ căn cứ vào lời khai của bị hại. Trong khi đó hồ sơ lại thể hiện chính người bị hại mới là người còn đang nợ tiền bị can Phùng, chứ không phải Phùng nợ tiền bị hại.

Đáng lẽ ra, Thẩm phán phải đưa vụ án ra xét xử và tuyên bị cáo không phạm tội, nhưng lại trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi có căn cứ cho thấy bị can phạm một tội khác nhẹ hơn tội mà VKS đã truy tố hoặc có khung hình phạt nhẹ hơn. Trường hợp này đúng ra, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định đưa vụ án ra xét xử quy định tại Điều 196 BLTTHS về giới hạn xét xử; tuy nhiên khá nhiều Thẩm phán lại ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Ví dụ: Vụ án Lê Văn Hải Lê Đình Trung bị VKS thị xã Từ Sơn truy tố về “Tội cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 BLTHS. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy hành vi của Hải và Trung không cấu thành Tội cướp tài sản mà cấu thành “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 BLHS. Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung thay vì đưa vụ án ra xét xử theo quy định về giới hạn xét xử. VKS đã thay đổi cáo trạng và truy tố bị can Hải và Trung về Tội cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 135 BLHS và Tòa án đã xử như tội danh VKS đã truy tố (Bản án số 84/HSST ngày 21/4/2014).

Bên cạnh đó, thực tiễn tại hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh cũng còn những sai lầm, thiếu sót trong việc trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định tại *điểm c* khoản 1 Điều 179 BLTTHS, như sau: BLTTHS năm 2003 tuy không quy định, nhưng Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của HĐTP TAND tối cao và Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT ngày 27/8/2010 đã có hướng dẫn, theo đó: Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là trường hợp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án. Thông tư liên tịch số 01/2010 cũng nêu cụ thể những trường hợp được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ

tục tố tụng. Tuy nhiên, như thế là “đã xâm hại nghiêm trọng” đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng thì giữa các cơ quan tiến hành tố tụng còn chưa có sự thống nhất? mức độ xâm hại đến mức độ nào để làm tiêu chí định lượng? Thực tiễn xét xử nói chung và tại tỉnh Bắc Ninh nói riêng, việc đánh giá mức độ xâm hại nghiêm trọng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội, mức thu nhập bình quân của từng địa phương nên việc đánh giá cũng gần như tùy thuộc vào nhận thức, ý chí chủ quan của Thẩm phán cũng như của Kiểm sát viên. Do vậy, dẫn đến một số trường hợp trả hồ sơ cho Viện kiểm sát không thuộc căn cứ quy định theo khoản 1 Điều 179 BLTTHS

Thứ ba, Vi phạm, sai lầm trong việc ra quyết định tạm đình chỉ vụ án: Mặc dù 100% số vụ án do Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ đều không bị Viện kiểm sát kháng nghị, cụ thể: *Xem phụ lục số 6 của luận văn*. Kết quả này thể hiện hiệu quả trong việc ra quyết định tạm đình chỉ của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh đảm bảo tuân thủ áp dụng đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm, sai sót. Tuy nhiên, thực tiễn quá trình thực hiện, nhiều Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa còn lúng túng trong việc ra quyết định khi kết quả giám định tâm thần kết luận bị can, bị cáo mắc bệnh tâm thần nhưng không nêu rõ loại bệnh tâm thần đó ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của họ như thế nào.

Thứ tư, Vi phạm, sai lầm khác: Ngoài ra, một số Tòa án còn có sai lầm trong việc nghiên cứu hồ sơ chưa kỹ, chưa lên kế hoạch xét hỏi trước dẫn đến không dự liệu hết được các tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa và có biện pháp xử lý kịp thời dẫn đến việc phải tạm dừng, hoãn phiên tòa.

Hiện nay, một số Thẩm phán chưa thực hiện đúng quy định về giao các quyết định của Tòa án theo quy định tại Điều 182 BLTTHS, theo đó Tòa án phải giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của họ chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa. Có Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa còn cho rằng việc thông báo cho người bào chữa là trách nhiệm của bị cáo, người đại diện hoặc là người nhà của họ, trừ trường hợp bào chữa theo chỉ định, hậu quả là phải hoãn phiên tòa, kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Trong việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa, đặc biệt là trong các vụ án về giết người, cố ý gây thương tích, vi phạm các quy định về điều khiển giao thông đường bộ ... Trong thực tiễn xét xử hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa vẫn có sự nhầm lẫn việc xác định người đại diện hợp pháp của người bị hại dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa đúng. BLTTHS năm 2003 cũng không quy định người đại diện hợp pháp bao gồm những người nào nên đôi khi việc xác định cũng không được thống nhất, có người xác định bố, mẹ, anh, chị, em, ông, bà, cô, dì, chú, bác là người đại diện hợp pháp cho bị cáo. Cũng có Thẩm phán chỉ xác định họ là người giám hộ mà không xác định họ là người đại diện hợp pháp của bị cáo. Thực tế hiện nay, người đại diện hợp pháp của người bị hại chúng ta thường xác định là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất; nếu không có hàng thừa kế thứ nhất thì những người thuộc hàng thừa kế thứ hai sẽ là người đại diện hợp pháp.

Đối với bị cáo đang được tại ngoại, cũng như những người tham gia tố tụng khác, nhiều trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện nhưng sau khi gửi giấy triệu tập rồi nhưng không xác định được người phải triệu tập có nhận được hay không vì bưu điện không hoàn lại cũng không báo lại về kết quả gửi giấy triệu tập, đến ngày mở phiên tòa không thấy người phải triệu tập nên phải hoãn phiên tòa; một số trường hợp xét xử vắng mặt vì triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị cáo, đương sự không đến; hậu quả là người vắng mặt đã kháng cáo hoặc khiếu nại vì không được triệu tập.

Ngoài ra, trong một số vụ án, đặc biệt là khi xét xử lưu động do thiếu sót trong công tác chuẩn bị các điều kiện cho việc xét xử, như không dự liệu được hết tình hình, buông lỏng công tác bảo vệ, hậu quả dẫn đến tình trạng gia đình, người thân thích của bị cáo và các đương sự có hành động xúc phạm Hội đồng xét xử, thậm chí hành hung những người khác; cá biệt có trường hợp đã phải hoãn phiên tòa

2.2.2. Nguyên nhân của các vi phạm, sai lầm

Thứ nhất, các quy phạm pháp luật của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm chưa thực sự đầy đủ, rõ ràng: Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động tố tụng tương đối phức tạp, tổng hợp nhiều hoạt động của các chủ thể

khác nhau, là giai đoạn trung gian giữa khâu điều tra, truy tố với hoạt động xét xử của Tòa án, đòi hỏi các quy định về chuẩn bị xét xử phải được quy định một cách đầy đủ, chặt chẽ trong BLTTHS. Nhưng thực tế, các quy phạm pháp luật của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm chưa thực sự đầy đủ. Nội dung một số các quy định còn lỏng lẻo chưa bao quát được hết các hoạt động tố tụng của giai đoạn chuẩn bị xét xử như: chưa quy định rõ ràng về thủ tục thụ lý, nghiên cứu hồ sơ, phân công Thẩm phán chủ tọa phiên tòa; các vụ án đã có quyết định tạm đình chỉ chưa có quy định cụ thể về thời hạn tiếp tục xét xử; thiếu quy định về gia hạn tạm giam trong giai đoạn chuẩn bị xét xử... Các quy định về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn còn chưa chặt chẽ, cụ thể, như: quy định về căn cứ tạm giam còn căn cứ vào định tính và chủ yếu dựa vào sự phân loại tội phạm đang là nguyên nhân dẫn đến việc lạm dụng tạm giam trong thực tiễn. Quy định không áp dụng biện pháp tạm giam đối với phụ nữ đang có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi bị lợi dụng trong thực tiễn, nhất là các trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, các vụ án về ma túy. Quy định về biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo chưa cụ thể nên chưa phát huy được hiệu quả trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. BLTTHS không quy định đầy đủ về điều kiện, thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 91), bảo lãnh (Điều 92) dẫn đến tình trạng áp dụng còn tùy tiện.

Thứ hai, Số lượng các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhìn chung từ năm 2011 đến 2016 không chỉ có chiều hướng gia tăng về số lượng (Năm 2011 tổng số vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý là 778 vụ/1751 bị cáo. Năm 2012 thụ lý 1046 vụ/2247; tăng 268 vụ/496 bị cáo; tăng 34,44% số vụ so với năm 2011. Các năm tiếp theo số vụ thụ lý cũng luôn ở mức cao), mà còn có chiều hướng diễn biến phức tạp cả về tính chất vụ việc, liên quan đến tổ chức nước ngoài, tội phạm ngày càng trẻ hóa, có sử dụng công nghệ cao... do đặc thù của địa phương là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp lớn, thu hút lực lượng lao động nhất là lao động phổ thông, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế dẫn đến tình trạng nhiều vụ việc đáng tiếc xảy ra, điển hình là các vụ trộm cắp tài sản từ các khu công nghiệp ngày một gia tăng, liên quan đến tổ chức nước ngoài, tội phạm ngày càng trẻ hóa, có sử dụng công nghệ cao. Tình trạng

lấy đất nông nghiệp để xây dựng các khu công nghiệp cũng kéo theo hệ lụy nhiều tệ nạn xã hội xuất hiện, nhất là nạn cờ bạc trong nhân dân ngày càng phổ biến... trong khi số lượng Thẩm phán từ năm 2011 đến năm 2016 gần như không được tăng thêm, cụ thể: *Xem Phụ lục 08 của luận văn.*

Thứ ba, Một bộ phận Thẩm phán, cán bộ Tòa án còn yếu kém về năng lực, trình độ, chưa cập nhật thường xuyên những thay đổi của pháp luật, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, thậm chí sa sút về về phẩm chất đạo đức làm giảm hiệu quả của công tác xét xử, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi. Sự yếu kém về trình độ nghề nghiệp thường đi kèm phong cách làm việc cầu thả, thiếu trách nhiệm, qua loa, hời hợt nên khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án hình sự thường không xác định được đâu là vấn đề trọng tâm, cốt lõi.

Thứ tư, Hiện nay chưa có cơ chế Hội thẩm nhân dân chuyên trách nên về cơ bản, lực lượng HTND trình độ pháp lý không cao, không chuyên nghiệp nhưng luôn luôn là số đông trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Hầu hết HTND chưa dành nhiều thời gian cho việc nghiên cứu các quy định của pháp luật, đặc biệt là trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án còn mang tính qua loa, hình thức, từ đó dẫn đến việc các HTND phụ thuộc vào Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa và quyết định không đúng theo nguyên tắc biểu quyết theo đa số. Chính bất cập này đã và đang là một trong những nguyên nhân không thể không tính đến khi nghiên cứu về lý do dẫn đến những hạn chế của hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của hệ thống TAND nói chung và hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh nói riêng

Thứ năm, Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực sự chặt chẽ. Hoạt động tố tụng hình sự nói chung, chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng là một quy trình phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn với sự tham gia của nhiều cơ quan khác nhau và bắt buộc phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật tố tụng, trong đó có ba cơ quan tiến hành chính đó là CQĐT, VKS và Tòa án. Mỗi cơ quan thực hiện chức năng nhiệm vụ độc lập của mình để đưa đến kết quả là tìm ra người phạm tội và buộc họ phải chịu trách nhiệm hình sự trước Nhà nước. Trong tố tụng hình sự, hoạt động của CQĐT, VKS và Tòa án độc lập trong thực hành chức năng riêng có nhưng không thể tách rời nhau. Như vậy, để hoạt động tố

tụng hình sự diễn ra nhịp nhàng, hiệu quả cao rất cần sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất của các cơ quan liên quan, sự phối hợp này nhằm tìm ra những giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong nhận thức và áp dụng pháp luật, có ý nghĩa quyết định trong việc giải quyết vụ án. Trong thời gian qua, hoạt động phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong cả nước nói chung, trong đó có Bắc Ninh chưa thực sự chặt chẽ, đồng bộ dẫn đến nhiều vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, cá biệt có những vụ án kết luận điều tra cũng như các chứng cứ thu thập trong hồ sơ làm thay đổi cơ bản tính chất của vụ án kéo theo việc phán quyết oan, sai người vô tội, ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin của nhân dân vào cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ sáu, Cơ chế phối kết hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Tòa án nói riêng với các cơ quan hỗ trợ tư pháp còn thiếu chặt chẽ. Hoạt động xét xử của Tòa án đòi hỏi phải có sự phối kết hợp đồng bộ giữa nhiều cơ quan, tổ chức có liên quan, đặc biệt là các hoạt động của các cơ quan, tổ chức chuyên môn hỗ trợ tư pháp như tổ chức giám định pháp y, công chứng, luật sư... Nhiều trường hợp việc giải quyết vụ án phụ thuộc cơ bản vào kết quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức này. Những tài liệu, chứng cứ do các cơ quan, tổ chức này cung cấp theo quy định của pháp luật có giá trị chứng minh và làm sáng tỏ các tình tiết khách của vụ án. Thực tiễn, hoạt động phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh với các cơ quan, tổ chức này cũng chưa chặt chẽ, đồng bộ, về cơ bản hầu như vẫn chưa tạo dựng được cơ chế phối hợp dẫn đến vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, cá biệt có những kết luận hỗ trợ, đặc biệt là kết luận giám định pháp y đã làm thay đổi hoàn toàn tính chất của vụ án .

Thứ bảy, Chế độ đãi ngộ của Thẩm phán nói riêng, của cán bộ cơ quan Tòa án nhân dân nói chung hiện nay còn quá thấp, chưa phù hợp và tương xứng với nhiệm vụ mà họ thực hiện. Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, là nhân tố quyết định mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội. Xét xử là một nghề đặc thù, đặc biệt có tính rủi ro cao; sản phẩm của hoạt động xét xử là những bản án, quyết định nhân danh Nhà nước, do đó đòi hỏi người Thẩm phán không chỉ có nghiệp vụ chuyên môn giỏi mà còn phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp và đằng sau những phán quyết đó là những điều vô hình mà không

phải ai cũng hiểu được, đó là lương tâm của người Thẩm phán, nhất là khi xét xử những bản án hình sự có bị cáo chịu mức hình phạt cao nhất là tử hình sẽ là ám ảnh, day dứt cho người Thẩm phán đến suốt cuộc đời. Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản khiến cho cán bộ Tòa án chưa thực sự yên tâm công tác, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động xét xử.

Thứ tám, Cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, phương tiện làm việc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác. Để đảm bảo nâng cao chất lượng hoạt động xét xử thì việc tăng cường cơ sở vật chất và phương tiện hiện đại phục vụ hoạt động xét xử cũng là yếu tố quan trọng. Mặc dù đã được quan tâm nhưng đến nay kinh phí cho hoạt động xét xử còn hạn hẹp, điều kiện cơ sở vật chất của nhiều Tòa án, nhất là Tòa án nhân dân cấp huyện còn khó khăn, thiếu thốn. Hầu như công tác hành chính tư pháp còn thực hiện bằng phương pháp thủ công, chưa đáp ứng được yêu cầu trao đổi thông tin cũng như nhiệm vụ công tác. Nhiều trụ sở cơ quan Tòa án không đảm bảo về cơ sở vật chất cho hoạt động xét xử. Việc đưa công nghệ thông tin ứng dụng phục vụ công tác xét xử còn rất hạn chế.

Thứ chín, Bên cạnh nguyên nhân cơ bản thuộc về trách nhiệm của Thẩm phán được phân công giải quyết, xét xử các vụ án, một số lãnh đạo Tòa án các cấp còn buông lỏng công tác kiểm tra, điều hành đơn vị nên ảnh hưởng tới việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Thứ mười, Bên cạnh đó, việc tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật của hệ thống Tòa án nói chung và hai cấp Tòa án tỉnh Bắc Ninh nói riêng còn chưa thực sự được chú trọng đúng mức cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả công tác xét xử chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở phân tích các quy định của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, luận văn đã làm rõ kết quả thực tiễn thi hành và đánh giá kết quả đó trong việc áp dụng quy định trong hoạt động chuẩn bị xét xử của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh thông qua việc phân tích số liệu thống kê số lượng các vụ án hình sự sơ thẩm đã giải quyết.

Luận văn còn làm rõ những vi phạm, sai lầm trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tạm đình chỉ hay đình chỉ vụ án và hạn chế trong việc giao các quyết định của Tòa án, triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh.

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Các yêu cầu nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.1.1. Yêu cầu của cải cách tư pháp

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương cải cách tư pháp và thể hiện tại Nghị quyết, văn kiện của Đảng như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 26/5/2005, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, XII của Đảng. Các nghị quyết của Đảng nhấn mạnh: “Cải cách mạnh mẽ thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp”; “Tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ nạn xã hội và tội phạm”.

Đồng thời, yêu cầu cải cách nhiều nội dung cụ thể khác của tố tụng hình sự. Báo cáo tổng kết hơn 10 năm thực tiễn thi hành BLTTHS đã khẳng định vai trò quan trọng của BLTTHS năm 2003, trong đó có các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói riêng, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam. Các quy định của BLTTHS năm 2003

nói chung và các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm nói riêng đã tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, hạn chế oan, sai và bỏ lọt tội phạm, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa, bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong tố tụng hình sự. Các vụ án cơ bản được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn do BLTTHS quy định. Tuy nhiên, trước yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, khoa học pháp lý nói chung, pháp luật tố tụng hình sự nói riêng còn bộc lộ một số điểm hạn chế, bất cập chủ yếu liên quan đến những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động. Bộ luật còn bỏ sót những quy định liên quan đến quyền được bảo đảm cho người bị bắt, người bị tạm giam, tạm giữ; quy định về tạm giam là nguyên nhân dẫn đến việc lạm dụng trong thực tiễn dẫn đến việc giải quyết một số vụ án còn kéo dài, chưa đáp ứng yêu cầu; còn một số trường hợp vi phạm thời hạn, nhất là thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, thời hạn xét xử; tiến độ điều tra một số vụ án kinh tế, chức vụ, tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng còn chậm, kéo dài; còn tình trạng chậm gửi các bản án, quyết định theo quy định; chậm trễ trong việc giải quyết các yêu cầu, đề nghị của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa; một số vụ án gia hạn thời hạn điều tra, gia hạn tạm giam chưa bảo đảm căn cứ luật định; thiếu các quy định về bảo vệ người làm chứng... Do vậy, cần phải được hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn

3.1.2. Yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa

Pháp chế xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc hiến định quy định tại Điều 8 Hiến pháp 2013: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”. Yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mọi hoạt động của tố tụng hình sự phải được luật điều chỉnh và pháp luật đó phải được tuân thủ một cách nghiêm chỉnh. Yêu cầu này đảm bảo cho việc tiến hành giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác, có hiệu quả, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Nội dung về yêu cầu của

pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động xét xử phải được thể hiện thông qua các hoạt động tố tụng trong giai đoạn xét xử cũng như quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng và của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các cá nhân phải được quy định trong luật tố tụng hình sự một cách rõ ràng, cụ thể và phù hợp. Yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa hướng đến mục đích nhằm giải quyết vụ án đảm bảo phát hiện nhanh chóng, xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội và chỉ có thể đạt được khi có sự chấp hành một cách triệt để các quy định của tố tụng hình sự.

3.1.3. Yêu cầu bảo vệ quyền con người

Yêu cầu bảo vệ quyền con người là một trong những nội dung mà cũng là mục đích của xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chăm lo đến con người, tạo mọi điều kiện thuận lợi để con người phát triển toàn diện trong thực hiện các chính sách kinh tế xã hội, trong các hoạt động nhà nước là những quan điểm cơ bản được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là trong những năm gần đây. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 khẳng định “Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với cơ quan tư pháp ngày càng cao; các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm. Văn kiện Đại hội X của Đảng cũng đặt ra nhiệm vụ “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người”. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục đặt ra nhiệm vụ “Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó đẩy mạnh việc thực hiện việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”. Hoạt động tố tụng hình sự là một mặt hoạt động của Nhà nước liên quan chặt chẽ với quyền con người, là nơi các biện pháp cưỡng chế Nhà nước được áp dụng phổ biến nhất, vì vậy cũng là nơi quyền con người, đặc biệt là bị can, bị cáo có nguy cơ dễ bị xâm hại. Điều 14 Hiến pháp 2013 đã quy định “Ở

nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử trong những năm qua cho thấy cũng còn nhiều trường hợp vi phạm quyền con người trong quá trình tiến hành tố tụng. Những vi phạm đó có nhiều nguyên nhân, trong đó có bất cập, hạn chế của pháp luật, cơ chế, nhận thức, thái độ của người tiến hành tố tụng, các quy định về trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, người tiến hành tố tụng đối với con người... Vì vậy, bảo vệ quyền con người thông qua các quy định cụ thể của tố tụng hình sự tất yếu trở thành yêu cầu quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và công cuộc cải cách tư pháp nói chung cũng như trong việc nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

3.1.4. Yêu cầu phòng, chống tội phạm

Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã xác định rõ “Hoàn thiện pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm theo hướng xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật là nòng cốt, phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm”. Do vậy, yêu cầu về phòng, chống tội phạm luôn được Đảng, Nhà nước ta xác định là một nhiệm vụ quan trọng đặc biệt. Trong công tác xét xử các vụ án hình sự, Tòa án các cấp phải bám sát các yêu cầu nhiệm vụ chính trị, quán triệt sâu sắc các quan điểm, đường lối của Đảng, áp dụng đúng đắn các quy định của pháp luật để giải quyết, xét xử các vụ án. Đặc biệt đã chú trọng đến việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, đảm bảo cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Trong quá trình xét xử Tòa án đã áp dụng những hình phạt nghiêm khắc đối với những kẻ phạm tội đã có nhiều tiền án, tiền sự, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đồng thời cũng khoan hồng đối với những người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng, biết ăn năn hối cải. Tuy nhiên, cùng với xu hướng diễn biến tội phạm ngày càng tinh vi, phức tạp, xuất hiện nhiều loại tội phạm

mới, đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật đầy đủ, hoàn thiện để điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự

BLTTHS năm 2003 được xây dựng trên cơ sở kế thừa những quy định tốt đẹp của BLTTHS năm 1988 và cơ bản đã đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ trong thời gian qua. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp, coi đây là nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn hơn 10 năm thi hành BLTTHS năm 2003, tiếp tục kế thừa những quy định còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định không phù hợp nhằm khắc phục căn bản những vướng mắc, bất cập đặt ra trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm; đồng thời, hoàn thiện kỹ thuật lập pháp, bảo đảm tính cụ thể, chặt chẽ, minh bạch và khả thi của BLTTHS, ngày 27/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết thi hành Bộ luật. Đây là một trong những đạo luật quan trọng về tố tụng tư pháp liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân được Quốc hội thông qua theo tinh thần Hiến pháp mới, là đạo luật cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức TAND năm 2014 về tổ chức và hoạt động của TAND; đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định của BLTTHS năm 2003 để khắc phục những khó khăn, bất cập trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, đảm bảo cho TAND thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật.

Để đáp ứng được mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng BLTTHS sửa đổi, bổ sung phải thể chế hóa đầy đủ chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Hiến pháp năm 2013, trên cơ sở kế thừa BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung một cách căn bản, toàn diện. Bộ luật gồm 510 điều, bố cục thành 9 phần, 36 chương, trong đó bổ sung 176 điều, giữ nguyên 17 điều, bãi bỏ 26 điều.

Kết cấu của Bộ luật được thiết kế khoa học hơn, theo trình tự tổ tụng từ khởi tố đến điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và gắn với các chủ thể tiến hành tổ tụng ở mỗi giai đoạn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, khắc phục những hạn chế, bất cập, thiếu sót của BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung, quy định rất nhiều các quy định mới tiến bộ, cụ thể:

Thứ nhất, Bổ sung quy định về nhận hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và thụ lý vụ án (Điều 276). BLTTHS năm 2003 chưa có quy định cụ thể về nhận hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và thụ lý vụ án. Do đó trên thực tiễn VKS gửi hồ sơ và bản cáo trạng đến Tòa án gặp nhiều khó khăn vướng mắc cũng như chưa có thời hạn để Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Việc nhận hồ sơ vụ án thường đồng nhất với việc thụ lý vụ án. BLTTHS năm 2015 đã khắc phục được những vướng mắc này. So với BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015 đã phân định rõ việc Tòa án nhận hồ sơ vụ án, thụ lý vụ án; đồng thời BLTTHS năm 2015 cũng không quy định thời hạn của việc kiểm tra hồ sơ vụ án khi Tòa án nhận hồ sơ vụ án, do đó, đối với những vụ án đơn giản, sau khi Viện kiểm sát giao hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và vật chứng kèm theo, nếu có thì Tòa án có thể nhanh chóng kiểm tra và nhận hồ sơ vụ án. Ngược lại, đối với vụ án phức tạp, hồ sơ có thể lên đến hàng nghìn búp lục thì việc BLTTHS năm 2015 không quy định thời hạn nhận hồ sơ vụ án nên Tòa án có điều kiện kiểm tra hồ sơ kỹ lưỡng trước khi thụ lý vụ án để tránh sai sót, thiếu tài liệu, vật chứng trong quá trình chuẩn bị xét xử.

Thứ hai, Bổ sung quy định về giải quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa: BLTTHS năm 2003 không quy định. BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định này tại Điều 279, theo đó trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải giải quyết các yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật về các nội dung như: Yêu cầu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng về việc cung cấp, bổ sung chứng cứ; triệu tập người làm chứng, Điều tra viên và những người tham gia tố tụng, người tham gia tố tụng khác đến phiên tòa; về việc thay đổi thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; Đề nghị của bị cáo,

người đại diện, người bào chữa về việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; Đề nghị của những người tham gia tố tụng về việc vắng mặt tại phiên tòa. Nếu xét thấy yêu cầu, đề nghị có căn cứ thì Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Bộ luật này và thông báo cho người đã yêu cầu, đề nghị biết; nếu không chấp nhận thì thông báo cho họ bằng văn bản có nêu rõ lý do. Việc bổ sung quy định về giải quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa có ý nghĩa đáp ứng yêu cầu tranh tụng và giải quyết những yêu cầu chính đáng của các bên tham gia tố tụng.

Thứ ba, Về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: Quy định của BLTTHS năm 2015 về việc nhận hồ sơ và thụ lý vụ án (Điều 278) kéo theo sự thay đổi về thời điểm Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Theo quy định tại Điều 177 BLTTHS năm 2003 thì sau khi nhận hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Quy định này gặp không ít khó khăn trong thực tế, bởi lẽ theo quy định tại Điều 177 thì thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử; trong khi đó thời hạn chuẩn bị xét xử được tính kể từ ngày thụ lý vụ án. Khắc phục được hạn chế này, BLTTHS năm 2015 quy định: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trừ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quyết định”.

Thứ tư, Quy định thời hạn chuẩn bị xét xử được tính từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án thay vì kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án (Điều 277).

Thứ năm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử: BLTTHS năm 2015 bổ sung tên và thời gian ra quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải ghi rõ: ngày, tháng, năm ra quyết định; tên Tòa án ra quyết định.

Thứ sáu, Căn cứ Tòa án trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung (Điều 280): BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ ràng, cụ thể hơn về căn cứ để trả hồ sơ để điều tra bổ sung và nêu rõ thẩm quyền của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa. BLTTHS năm 2003 quy định căn cứ trả hồ sơ bao gồm: còn thiếu

chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa; có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể hơn các căn cứ gồm: Thiếu chứng cứ dùng để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật này mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; có căn cứ để khởi tố bị can về một hay nhiều tội khác (ngoài hành vi mà Viện kiểm sát đã khởi tố; có người đồng phạm khác hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được Viện kiểm sát khởi tố; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định Viện kiểm sát phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ;

Thứ bảy, Căn cứ tạm đình chỉ vụ án: BLTTHS năm 2003 có quy định nhưng quy định chung chung dẫn chiếu đến căn cứ tạm đình chỉ điều tra. BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể căn cứ tạm đình chỉ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm phù hợp với Luật Tổ chức TAND năm 2014; bổ sung hai trường hợp: Một là, Không biết rõ bị can, bị cáo đang ở đâu mà đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử; trong trường hợp này phải phải yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã bị can, bị cáo trước khi tạm đình chỉ vụ án. Việc truy nã bị can, bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 231 Bộ luật này; Hai là, Chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị. Việc bổ sung quy định căn cứ tạm đình chỉ của Tòa án đã khắc phục được những hạn chế, bất cập của BLTTHS 2003.

Thứ tám, Phục hồi vụ án: BLTTHS năm 2003 không quy định. BLTTHS năm 2015 đã khắc phục thiếu sót này, quy định tại Điều 283: Khi có lý do để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ vụ án hoặc có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ vụ án, nếu chưa hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự thì Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án ra quyết định phục hồi vụ án. Trường hợp Thẩm phán đã ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án không thể thực hiện được thì Chánh án ra quyết định phục hồi. Việc bổ sung quy định phục hồi vụ án trong đó xác định rõ thẩm quyền phục hồi, thời hạn, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn vv... đã

khắc phục được triệt để vướng mắc, bất cập trong quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án.

Thứ chín, Yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ (Điều 284): BLTTHS năm 2003 không quy định. BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ: Khi xét thấy cần bổ sung tài liệu, chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án mà không phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung bằng văn bản và gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra văn bản yêu cầu. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, Viện kiểm sát gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ được yêu cầu bổ sung. Trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được tài liệu, chứng cứ thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Quy định này đảm bảo được tính linh hoạt trong thực tiễn, không nhất thiết mọi trường hợp phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát; Tòa án vẫn giữ hồ sơ nhưng vẫn có thể yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ, tài liệu.

Thứ mười, Việc giao, gửi các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm (Điều 286): BLTTHS 2003 chỉ quy định thời hạn (chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa) phải giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đối tượng được giao chỉ gồm có bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa, riêng Viện kiểm sát cùng cấp thì Tòa án phải gửi ngay. Đối với các quyết định khác, như: Quyết định tạm đình chỉ, Quyết định đình chỉ thì không quy định thời hạn giao quyết định. BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm đối tượng Tòa án phải giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và bổ sung quy định thời hạn giao quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án, theo đó: Quyết định đưa vụ án ra xét xử không chỉ phải giao cho bị cáo, người đại diện của họ, gửi cho người bào chữa, mà còn phải gửi cho nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thời hạn giao Quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định phục hồi vụ án là 03 ngày kể từ ngày ra quyết định. Thời hạn gửi cho Viện kiểm sát là 02 ngày kể từ ngày ra quyết định: Quyết định phân công Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định tạm đình chỉ, quyết đình chỉ, quyết định phục hồi vụ án. Thời hạn giao Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn

chặn, cho bị can, bị cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, trại giam là 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

Ngoài ra, về việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa, BLTTHS năm 2015 còn quy định Viện kiểm sát, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền yêu cầu Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa.

Nhìn chung, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung rất nhiều quy định mới tiến bộ, khắc phục được cơ bản những bất cập, hạn chế, vướng mắc của BLTTHS năm 2003. Mặc dù Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 đã lùi hiệu lực của BLHS và BLTTHS 2015 nên hoạt động thực tiễn áp dụng chưa được thực hiện. Tuy nhiên, qua nghiên cứu chúng tôi thấy rằng vẫn còn một số quy định trong phần chuẩn bị xét xử, cần được tiếp tục hoàn thiện, cụ thể:

- Hoàn thiện quy định về ra quyết định của Tòa án:

Hoàn thiện quy định về áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: BLTTHS năm 2003 (Điều 177) không quy định thời hạn gia hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử dẫn đến cách hiểu là Tòa án không được gia hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử. BLTTHS 2015 (Điều 278) vẫn không quy định. Để đảm bảo tính chặt chẽ về kỹ thuật, tránh quan điểm suy diễn, vậy nên cần tiếp tục hoàn thiện bổ sung thêm cụm từ “gia hạn tạm giam”, sửa quy định tại khoản 2 Điều 278 BLTTHS năm 2015 như sau: 2. Thời hạn tạm giam, *gia hạn tạm giam* để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 277 của Bộ luật này.

Hoàn thiện quy định về căn cứ đình chỉ vụ án: BLTTHS năm 2003 tại Điều 107 quy định “Hành vi không cấu thành tội phạm” (khoản 2) và “Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm” (khoản 3) là hai trường hợp khác nhau được quy định làm căn cứ theo hai khoản khác nhau. Tuy nhiên, thực chất căn cứ quy định tại khoản 3 là trường hợp thuộc căn cứ quy định tại khoản 2 hoặc nói cách khác căn cứ quy định tại khoản 2 đã bao trùm cả căn cứ quy định tại khoản 3. Bởi lẽ, mặt chủ thể của tội phạm gồm hai yếu tố là tuổi chịu trách nhiệm hình sự và năng lực trách nhiệm hình sự. Nếu một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì chưa thỏa

mãn mặt chủ thể nên họ không trở thành chủ thể của tội phạm và tất nhiên hành vi của họ là hành vi không cấu thành tội phạm. Do vậy khoản 3 Điều 107 BLTTHS năm 2003 được quy định là căn cứ đình chỉ là không hợp lý, mà phải là căn cứ để Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội. Đến BLTTHS năm 2015 tại Điều 157 vẫn quy định giữ nguyên như BLTTHS năm 2013. Do vậy, cần tiếp tục hoàn thiện Điều 157 BLTTHS năm 2015 quy định theo hướng: bỏ quy định căn cứ khoản 3 “Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm” là căn cứ đình chỉ vụ án.

- Hoàn thiện quy định Viện kiểm sát rút quyết định truy tố: Điều 181 BLTTHS 2003 và Điều 285 BLTTHS 2015 đều không quy định về phạm vi Viện kiểm sát rút quyết định truy tố, mà chỉ quy định “Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án”. Tuy nhiên, Viện kiểm sát có thẩm quyền rút toàn bộ hoặc một phần quyết định truy tố và Tòa án chỉ đình chỉ vụ án khi Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa. Do vậy, để đảm bảo quy định được chặt chẽ, cần tiếp tục hoàn thiện quy định Điều 286 BLTTHS 2015, cụ thể cần bổ sung cụm từ “toàn bộ” đứng sau cụm từ “Viện kiểm sát rút” cho rõ hơn.

- Hoàn thiện quy định về triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa (Điều 287 BLTTHS năm 2015): Mặc dù BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quyền của Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác có quyền yêu cầu Thẩm phán triệu tập người cần xét hỏi đến phiên tòa nhưng không quy định trường hợp Thẩm phán từ chối yêu cầu triệu tập thì xử lý như thế nào. Vậy nên cần tiếp tục hoàn thiện bổ sung quy định tại Điều 287 BLTTHS năm 2015 theo hướng quy định trường từ chối yêu cầu triệu tập của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác thì Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2.2. Chuẩn bị các điều kiện cần và đủ để thi hành tốt BLTTHS năm 2015

BLTTHS mới được ban hành năm 2015, hiện đang lùi thời gian có hiệu lực pháp luật, chưa đi vào thực tiễn đời sống nên cũng có nhiều quy định bổ sung khá mới mẻ và nhiều quy định cần phải được các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn

bản hướng dẫn như: Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; thông tư liên tịch .. nhằm đảm bảo việc áp dụng, thi hành pháp luật một cách thống nhất. Cùng với việc ban hành văn bản hướng dẫn các quy định của BLTTHS thì công tác tập huấn cho cán bộ, Thẩm phán cũng phải được chú trọng và tổ chức một cách rộng rãi nhằm đảm bảo cho Thẩm phán không chỉ nắm chắc được các quy định mới của pháp luật, mà còn hiểu rõ bản chất, mục đích của các quy định này. Ngoài ra, để chuẩn bị các điều kiện cần và đủ để thi hành tốt BLTTHS năm 2015 thì việc phổ biến pháp luật cho toàn thể cộng đồng là rất cần thiết, việc phổ biến pháp luật có thể thực hiện thông qua nhiều kênh, như: qua kênh báo chí gồm báo in và báo điện tử; qua hệ thống thông tin truyền thông chính thống báo, đài của nhà nước; qua các hoạt động đào tạo giảng dạy.. Hoặc phổ biến pháp luật dưới hình thức xây dựng, phát hành các tài liệu hỏi đáp, giải đáp pháp luật; các cơ sở văn hóa địa phương có thể kết hợp với các hoạt động văn hóa với tuyên truyền pháp luật như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật liên quan đến tổ tụng hình sự để phổ biến các quy định về trình tự, thủ tục, các quyết định của Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, hậu quả pháp lý các quyết định của Tòa án... Các kênh tuyên truyền này làm cho pháp luật dễ dàng đi vào cuộc sống nhân dân, làm cho pháp luật dễ hiểu hơn, giúp người dân tuân thủ đúng pháp luật và biết tự bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

3.2.3. Tiếp tục tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xét xử của Tòa án.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng”.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng thể hiện trên các phương diện:

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ ngành TAND: Trong hoạt động của Tòa án nhiệm vụ chính trị được chú trọng nhất là nhiệm vụ xét xử các vụ án. Để đảm bảo tính vô tư, khách quan của Thẩm phán “Khi xét xử, Thẩm phán và HTND độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”. Do vậy phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ ngành Tòa án vừa đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Thẩm phán để hướng tới việc xét xử ngày càng nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong thời gian qua, phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ của ngành Tòa án được thực hiện thông qua Ban cán sự Đảng và cấp ủy Đảng các cấp. Mặc dù Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị đã xác định “Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp. Trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của TAND”, tuy nhiên thực tế chủ trương này chưa có được sự quan tâm đúng mức. Vị trí, vai trò của Tòa án chưa được đặt đúng tầm trong bộ máy của nhà nước, vị thế của Chánh án và Thẩm phán chưa được đề cao trong xã hội.

Trong thời gian tới, thực hiện yêu cầu cải cách tư pháp, để nâng cao vị thế của Tòa án thì cần tăng cường tính độc lập của Tòa án, khi xét xử Thẩm phán phải hoàn toàn độc lập. Cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ ngành Tòa án theo hướng các tổ chức Đảng trong các cơ quan Tòa án địa phương không theo cấp hành chính mà nên theo cơ cấu ngành dọc.

Để tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, trong thời gian tới toàn hệ thống TAND cần tiếp tục kiện toàn để nâng cao chất lượng hoạt động của Ban cán sự Đảng và cấp ủy Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng phải đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ của ngành Tòa án, phân định rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong việc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Tòa án; đồng thời tăng cường phát huy tinh thần đoàn kết trong Đảng, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, Đảng viên; phát huy vai trò của Ban cán sự Đảng để lãnh đạo. Trước yêu cầu về đổi mới về tổ chức và hoạt động của hệ thống TAND theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban cán sự

Đảng TAND tối cao phải xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả công tác của TAND.

3.2.4. Đổi mới, tăng cường và tạo sự chuyển biến sâu sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Thẩm phán và công chức Tòa án

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng là giải pháp quan trọng có tính quyết định để nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán, công chức Tòa án. Lựa chọn, đào tạo phát triển nâng cao trên cơ sở gắn với Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020 của Đảng, tập trung đổi mới và hoàn thiện việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Tòa án, chú trọng việc đưa cán bộ trong diện quy hoạch nguồn đi đào tạo, khai thác thế mạnh về đào tạo chuyên sâu về kỹ năng nghề nghiệp, sử dụng tốt tin học, ngoại ngữ. Tăng cường sự chỉ đạo thống nhất từ TAND tối cao đến các Tòa án địa phương, đồng thời thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, rành mạch thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp Tòa án đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, trang bị kiến thức phù hợp với yêu cầu công việc, bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng vừa rộng, vừa chuyên sâu, kết hợp giữa lý thuyết với kỹ năng nghiệp vụ Tòa án và bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị của ngành. Do việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán của ngành Tòa án với số lượng lớn nên cần có bước đi, hình thức phù hợp với từng đối tượng, từng chức danh, cụ thể:

Trước hết cần phân loại, quy hoạch cán bộ, xác định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng loại chức danh, trong đó chú trọng công tác đào tạo thẩm phán, cán bộ lãnh đạo.

Thứ hai, thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng theo chuyên đề để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về văn bản quy phạm pháp luật, về nghiệp vụ Tòa án và các kiến thức tin học, ngoại ngữ... đặc biệt là trong điều kiện mở rộng hội nhập quốc tế.

Thứ ba, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng: Thẩm phán; cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức Tòa án. Xây dựng chính sách khuyến khích, động viên, hỗ trợ cho cán bộ, Thẩm phán tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Thứ tư, xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Thẩm phán đến năm 2020, gắn với chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước

3.2.5. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao chất lượng đội ngũ Hội thẩm nhân dân

Việc tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân trong hoạt động xét xử không chỉ tăng cường tính chất dân chủ, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo các bản án của Tòa án được chính xác, khách quan, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của quần chúng nhân dân; đồng thời góp phần phổ biến, tuyên truyền pháp luật. Để nâng cao chất lượng hoạt động xét xử, TAND cần nâng cao chất lượng hoạt động xét xử với một số giải pháp như:

Lựa chọn nhân sự để bầu hoặc cử làm Hội thẩm nhân dân: Hội thẩm nhân dân là người đại diện cho các tầng lớp nhân dân tham gia công tác xét xử của Tòa án. Tuy nhiên, thực tế công tác HTND tham gia công tác xét xử cho thấy, phần lớn những người được Mặt trận tổ quốc giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Hội thẩm là cán bộ công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước hiện đang công tác hoặc đã nghỉ hưu nên có thể nói chưa thực sự đại diện đầy đủ cho tính nhân dân của chức danh này. Do vậy, khi lựa chọn nhân sự để giới thiệu bầu chức danh này cần lựa chọn những người có uy tín, kiến thức và hiểu biết trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Hiện nay do chưa có cơ chế HTND chuyên trách nên còn nhiều Hội thẩm còn có hạn chế nhất định, nhất là về kiến thức pháp luật. Do vậy, hàng năm TAND các cấp cũng cần tăng cường tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng để HTND nâng cao hơn nữa kiến thức pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng xét xử. Mặt khác, để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các HTND có thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tham gia phiên tòa xét xử theo đúng thời gian, kế hoạch, tránh tình trạng hoãn phiên tòa vì lý do vắng Hội thẩm nhân dân thì Chánh án TAND cấp tỉnh cần có kế hoạch trao đổi, thống nhất với lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi Hội thẩm nhân dân đang công tác tạo điều kiện thuận lợi khi có giấy mời tham gia xét xử vụ án hình sự.

3.2.6. Tăng cường công tác giám đốc kiểm tra, giám sát hoạt động chuẩn bị xét xử

Để hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ngày càng tốt hơn, cần quan tâm, chú trọng công tác giám đốc kiểm tra, giám sát hồ sơ giải quyết các vụ án hình sự đã giải quyết, đặc biệt là các bản án của các TAND cấp huyện để không chỉ kịp thời phát hiện những sai sót, những tiêu cực (nếu có) trong hoạt động chuẩn bị xét xử, mà còn hạn chế được những hậu quả có thể xảy ra; cũng như giúp cho cán bộ, Thẩm phán có trách nhiệm hơn trong công việc. Giám đốc kiểm tra, giám sát trong hoạt động xét xử còn nhằm để phát hiện, xử lý kịp thời, xử lý mọi hành vi vi phạm pháp luật. Đây là một yếu tố không thể thiếu trong việc nâng cao chất lượng xét xử các loại án nói chung và trong hoạt động chuẩn bị xét xử nói riêng.

Thực tiễn trong thời gian qua tại Bắc Ninh cho thấy, công tác giám đốc kiểm tra, giám sát có tác động rất lớn đến việc bảo đảm chất lượng, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật từ các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Giám đốc kiểm tra, giám sát hoạt động xét xử đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng TAND trong sạch, vững mạnh về tổ chức cán bộ, về chất lượng phiên tòa trong xét xử vụ án hình sự của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, hạn chế đến mức thấp nhất việc áp dụng sai pháp luật, xét xử oan người vô tội nhưng cũng tránh bỏ lọt tội phạm.

Công tác giám đốc, kiểm tra, giám sát có thể thực hiện theo hướng:

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của TAND cấp trên, VKSND, vai trò giám sát của đoàn đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan hữu quan đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự nói chung và vụ án hình sự sơ thẩm nói riêng nhằm yêu cầu Tòa án phải công khai minh bạch hóa công tác xét xử, các hoạt động chuẩn bị xét xử, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thực thi nhiệm vụ. Ngoài ra, cũng cần tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát hoạt động chuẩn bị xét xử của Tòa án. Thực hiện chủ trương của TAND tối cao, hiện nay cả hệ thống TAND đang khẩn trương, tích cực để có thể công khai bản án của TAND trên mạng thông tin điện tử (thời gian dự kiến là cuối năm 2017). Xử lý nghiêm minh, kịp thời hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, Thẩm phán TAND.

Công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân phải được coi là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cấp TAND để kịp thời giải quyết theo đúng quy định của pháp luật về cả trình tự và thời gian giải quyết.

3.2.7. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng, hoạt động tố tụng hình sự của Tòa án nói chung là một chuỗi các hoạt động pháp lý phức tạp, có mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng khác, đó là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Mỗi cơ quan có chức năng, nhiệm vụ độc lập được BLTTHS quy định, song hoạt động của cơ quan này có liên quan mật thiết và ảnh hưởng nhất định đối với cơ quan khác. Vì vậy, để mỗi cơ quan có thể thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình thì rất cần sự phối hợp, hỗ trợ nhịp nhàng với nhau. Việc xây dựng quy chế phối hợp hoạt động liên ngành TTHS là một trong những giải pháp hiệu quả cho vấn đề này bởi lẽ, việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác thì ngoài việc thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn mà pháp luật quy định còn cần sự phối hợp chặt chẽ, trao đổi đi đến thống nhất trong cách giải quyết vụ án đặc biệt đối với những vụ án lớn, án trọng điểm; đặc biệt phải khắc phục được tình trạng cùng một quy định của pháp luật nhưng mỗi ngành hiểu theo cách khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất.

Đối với hoạt động bào chữa, Tòa án cũng cần phải tạo điều kiện thuận lợi, tránh việc gây khó dễ cho người bào chữa trong việc đăng ký người bào chữa, tiếp cận, đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa; đảm bảo các quyền của người bào chữa theo quy định của pháp luật. Hoạt động bào chữa của người bào chữa cũng là cơ sở để Tòa án ra được Bản án, quyết định khách quan, đúng pháp luật.

3.2.8. Xây dựng và củng cố cơ chế phối hợp với các cơ quan hỗ trợ tư pháp

Hoạt động phối hợp của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp có vai trò quan trọng đối với hoạt động chuẩn bị xét xử. Những tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức này tiến hành thu thập, cung cấp theo quy định của pháp luật được coi là chứng cứ có giá trị chứng minh và làm sáng tỏ các tình tiết khác quan của vụ án. Do

vậy, để nâng cao hiệu quả của hoạt động chuẩn bị xét xử của các cấp TAND thì cần phải xây dựng cơ chế phối hợp và củng cố mối quan hệ với các cơ quan hỗ trợ tư pháp bằng những bước đi thích hợp như: từng bước hoàn thiện các tổ chức Giám định tư pháp, tổ chức luật sư, luật gia, cải tiến hoạt động công chứng đảm bảo bảo nhanh chóng, thuận tiện. Đồng thời phát triển và kiện toàn đội ngũ luật sư, luật gia, giám định viên, công chứng viên có đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.2.9. Tạo các điều kiện cần thiết khác

Để đảm bảo hiệu quả trong xét xử nói chung và chuẩn bị xét xử vụ án hình sự nói riêng thì việc tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc là rất quan trọng. Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: “tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có cơ chế chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp...”. Trong những năm gần đây, mặc dù đã được Đảng, Nhà nước quan tâm nhưng kinh phí hoạt động của các cấp TAND vẫn còn hạn hẹp, điều kiện trang thiết bị phục vụ cho công tác xét xử của Thẩm phán còn thiếu, trụ sở và phòng xử án của một số Tòa án cấp huyện còn chật hẹp, phòng xử án sơ sài; các phương tiện phục vụ cho Thẩm phán làm việc còn hạn chế. Do vậy, để hoạt động tố xét xử được tốt hơn, song song với các giải pháp khác, cần phải tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc theo hướng hiện đại hóa, cụ thể là các phương tiện đi lại, máy tính, các loại tài liệu, sách báo pháp luật, phòng xét xử, phòng nghị án vv... Ngoài ra cần chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ công chức Tòa án, nhất là đối với Thẩm phán theo hướng cải cách chế độ tiền lương, phụ cấp để họ có thu nhập ổn định, đảm bảo được cuộc sống, yên tâm công tác, giữ gìn phẩm chất đạo đức, tránh những tiêu cực, cám dỗ.

Mặt khác, cần xây dựng được cơ chế bảo vệ Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi mà tình hình tội phạm ngày càng có diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều loại tội phạm manh động. Thực tiễn xét xử

cho thấy, nhiều trường hợp khi Thẩm phán được phân công giải quyết những vụ án phức tạp, đối tượng phạm tội hoạt động theo nhóm xã hội đen nên không chỉ gặp phải sự can thiệp của thế lực ngầm, mà còn có cả sự chống đối, đe dọa, hành hung, trả thù ..Nhiều vụ việc đau lòng đáng tiếc đã xảy ra như đâm, chém, tạt axit, bắt con cái để gây sức ép.. cũng làm ảnh hưởng đến tinh thần và trách nhiệm đối với công việc của đội ngũ Thẩm phán. Từ những sự việc thực tiễn đã xảy ra, hệ thống TAND cần phải có những biện pháp cần thiết có tính khả thi để bảo vệ cán bộ, Thẩm phán và thân nhân của họ để họ yên tâm công tác, khách quan trong hoạt động xét xử.

Kết luận chương 3

Từ kết quả thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 và những vi phạm, sai lầm còn tồn tại trong giai đoạn chuẩn bị xét xử của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh, luận văn đưa ra một số yêu cầu cơ bản và giải pháp cụ thể trong việc nhằm nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Trong số các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, có giải pháp đã được ghi nhận thông qua các quy định sửa đổi, bổ sung của BLTTHS năm 2015, có những giải pháp chưa được triển khai, cần phải được tiếp tục hoàn thiện.

KẾT LUẬN

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một chế định quan trọng của tố tụng hình sự, có vị trí, vai trò không thể thiếu trong hoạt động xét xử của TAND. Bằng việc sử dụng một số phương pháp nghiên cứu trong triết học Mác – Lê Nin để phân tích các quy định của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và đánh giá kết quả thực tiễn thi hành căn cứ vào tình hình, điều kiện, hoàn cảnh, vị trí địa lý của tỉnh Bắc Ninh cùng xu thế phát triển của toàn xã hội.. Luận văn đã nghiên cứu có chọn lọc các quy định hợp lý của BLTTHS năm 2003 để phát triển những kiến thức về pháp luật tố tụng hình sự và một số đề tài khoa học có liên quan trước đó để xây dựng đề tài khoa học của mình một số luận chứng sau:

Thứ nhất, Làm rõ thêm khái niệm về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự và trên cơ sở đó phân tích đặc điểm, vị trí, vai trò của chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Thứ hai, Phân tích, đánh giá quy định của pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; quy định về áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quy định về các quyết định của Tòa án và các vấn đề khác trong chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Thứ ba, Từ thực tiễn thi hành pháp luật tố tụng hiện hành tại tỉnh Bắc Ninh, có viện dẫn một số vụ án cụ thể làm ví dụ minh họa đã làm rõ sự tương thích giữa lý luận với thực tiễn, từ đó làm cơ sở đánh giá những quy định tiến bộ, phù hợp và cả những quy định chưa đi vào thực tiễn.

Thứ tư, Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được đưa ra trong đề tài nghiên cứu dựa trên yêu cầu chủ trương đổi mới của Đảng, Nhà nước, cụ thể đó là: yêu cầu của cải cách tư pháp; yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa; yêu cầu bảo vệ quyền con người và yêu cầu phòng chống tội phạm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”.
2. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về “*Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*”.
3. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”.
4. Bộ Chính trị, Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
5. Bộ Tư pháp (2006), Từ điển Luật học – Nhà xuất bản từ điển bách khoa.
6. BTP - BCA - BQP - BTC - VKSNDTC – TANDTC, Thông tư liên tịch số 13/TTLT ngày 14/11/2013 hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự.
7. BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, Thông tư số 08/2015/TTLT ngày 14/11/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17
8. Mai Bộ (2008), “*Thời hạn tạm giam trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*”, Tạp chí Luật học (số 7), tr. 3-11.
9. Chủ tịch nước, *Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946 về tổ chức các Tòa án và ngạch Thẩm phán*.
10. Chủ tịch nước, *Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 về cải cách bộ máy Tư pháp và Luật tố tụng*.
11. Lê Cẩm (1999), “*Hoàn thiện pháp luật Hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*”, Nxb Công an nhân dân.

12. Lê Cẩm (2004), “*Vai trò của thực tiễn xét xử trong việc phát triển luật hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, tr. 09-13.
13. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự phân chung*, Nxb quốc gia Hà Nội.
14. Lê Văn Cẩm chủ biên (2009), *Giáo trình tư pháp Hình sự*, Bộ môn Tư pháp Hình sự - Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội.
15. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên (2001), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Khoa Luật Trường Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Quốc gia Hà Nội.
16. Nguyễn Đăng Dung (2009), *Giáo trình Luật Hiến pháp*, Trường Đại học quốc gia Hà Nội.
17. Bùi Thị Hồng (2011), *Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự*, Luận văn Thạc sỹ, Khoa Luật Đại học Quốc gia.
18. HĐTP-TANDTC (2004), Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.
19. HĐTP-TANDTC (2007) Nghị quyết số 01/2007 ngày 02/10/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt.
20. Học viện tư pháp (2009), *Giáo trình Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
21. Học viện Tòa án (2016), *Tập bài giảng Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Thu Hiền (2011), *Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
23. Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (2004), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
24. Vũ Gia Lâm (2011), *Hoàn thiện một số quy định về xét xử sơ thẩm nhằm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 21), tr. 01-07.

25. Đinh Thị Mai (2015), *Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Nhà xuất bản Giáo dục (1994), *Từ điển Tiếng Việt*, Hà Nội
27. Đặng Quang Phương chủ biên (2012), *Sổ tay quy trình giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Thanh niên, Hà Nội
28. Thái Vĩnh Phúc – Vũ Hồng Anh chủ biên (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam* (tái bản lần thứ 19 có sửa đổi), Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Đinh Văn Quế (2006), *Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 14), tr. 29-33.
30. Đinh Văn Quế (2006), *Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 06), tr. 17-18.
31. Đinh Văn Quế (2006), *Thẩm phán ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm*, Tạp chí TAND (số 17), tr.17-22.
32. Đinh Văn Quế (2001), *Thủ tục xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Đinh Văn Quế (2011), *Phương hướng hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 17), tr.16-18.
34. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013*.
35. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992*.
36. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*.
37. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988*.
38. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009*.
39. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự năm 1999*.
40. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*.
41. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức TAND năm 2002*.
42. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự 2015*.
43. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự 2015*.

44. Nguyễn Sơn (2004), *Giáo trình Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự, Phần 5 Chương 2. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
45. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), *Một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về quyết định của Tòa án trong hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn áp dụng*, Tạp chí Luật học (số 07), tr. 54-60
46. Hoàng Thị Minh Sơn chủ biên (2015), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* (tái bản lần 12 có sửa đổi), Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Nguyễn Minh Sử (2011), *Kiến nghị nhằm nâng cao vị thế độc lập của Thẩm phán trong hoạt động xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 14), tr. 01-03.
48. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
49. TANDTC, Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 giải đáp một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tố tụng.
50. TANDTC, Công văn số 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014 của TAND tối cao
51. TANDTC, Báo cáo tổng kết công tác ngành từ năm 2011 đến năm 2016.
52. TAND tỉnh Bắc Ninh, Báo cáo tổng kết công tác ngành TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến năm 2016.
53. TANDTC (2016), tài liệu tập huấn Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015
54. TANDTC (2016), *Giải đáp một số vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự*.
55. UBTVQH, Báo cáo kết quả giám sát về tình hình oan, sai trong việc áp dụng pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan sai trong hoạt động tố tụng hình sự.
56. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.
57. VKSNDTC - TANDTC - BCA - BTP - BLĐT BXH (2011), Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên.

58. VKSNDTC - BCA - TANDTC (2010), Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
59. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*.
60. Võ Khánh Vinh chủ biên (2004), *Bình luận Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2003*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
61. Võ Khánh Vinh chủ biên (2015), *Quyền con người*, Giáo trình giảng dạy sau đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
62. Võ Khánh Vinh chủ biên (2015), *Xã hội học pháp luật*, Giáo trình giảng dạy sau đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Võ Khánh Vinh chủ biên (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Giáo trình giảng dạy sau đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
64. Võ Khánh Vinh chủ biên (2011), *Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01

SỐ LIỆU THỤ LÝ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA HAI CẤP TAND TỈNH BẮC NINH

Năm	Thụ lý				Cộng	
	TAND tỉnh		TAND cấp huyện			
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	58	217	720	1534	778	1751
2012	88	233	958	2014	1046	2247
2013	80	350	917	1873	997	2223
2014	86	485	1025	2236	1111	2721
2015	77	229	1029	1974	1106	2203
2016	63	162	1010	1880	1073	2042
Cộng	452	1676	5659	11.511	6111	13.187

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

Phụ lục 02

SỐ LIỆU GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ SƠ THẨM CỦA HAI CẤP TAND TỈNH BẮC NINH

Số liệu giải quyết của hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh

Năm	Thụ lý		Đã giải quyết		Tỷ lệ%	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	778	1751	776	1726	99,74	98,57
2012	1046	2247	1043	2229	99,71	99,19
2013	997	2223	986	2164	98,89	97,34
2014	1111	2721	1104	2678	99,36	98,41
2015	1106	2203	1099	2194	99,36	99,59
2016	1073	2042	1072	2041	99,90	99,95
Cộng	6111	13.187	6080	13.032	99,49	98,82

Số liệu giải quyết của TAND tỉnh Bắc Ninh

Năm	Thụ lý		Giải quyết		Tỷ lệ%/vụ
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	
2011	58	217	58	217	100
2012	88	233	87	230	98,86
2013	80	350	80	350	100
2014	86	485	85	477	98,8
2015	77	229	77	229	100
2016	63	162	63	162	100
Cộng	452	1676	450	1665	99,55

Số liệu giải quyết của các TAND cấp huyện

Năm	Thụ lý		Giải quyết		Tỷ lệ %/vụ
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	
2011	720	1.534	718	1.509	99,72
2012	958	2.014	956	1.999	99,25
2013	917	1.873	906	1.814	98,8
2014	1.025	2.236	1.019	2.201	99,4
2015	1029	1.974	1.022	1.965	99,54
2016	1.010	1.880	1.009	1.879	99,90
Cộng	5.659	11.511	5.630	11.367	99,48

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

Phụ lục 03

SỐ LIỆU RA QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA HAI CẤP TAND TỈNH BẮC NINH

Số liệu ra quyết định của TAND hai cấp TAND tỉnh Bắc Ninh

Năm	Thụ lý/Vụ	Bị cáo	Đã giải quyết							
			Xét xử		Trả hồ sơ điều tra bổ sung		Tạm đình chỉ		Đình chỉ	
			Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	778	1751	734	1524	36	186	4	14	2	2
2012	1046	2247	1003	2127	36	94	1	3	3	5
2013	997	2223	944	2029	41	134	0	0	1	1
2014	1111	2721	1063	2499	39	171	0	0	2	8
2015	1106	2203	928	1869	160	307	7	10	4	8
2016	1073	2042	991	1825	75	205	3	4	3	7
<i>Cộng</i>	<i>6111</i>	<i>13.187</i>	<i>5663</i>	<i>11.873</i>	<i>387</i>	<i>1097</i>	<i>15</i>	<i>31</i>	<i>15</i>	<i>31</i>

Số liệu ra quyết định của TAND cấp huyện

Năm	Thụ lý/Vụ	Bị cáo	Đã giải quyết							
			Xét xử		Trả hồ sơ điều tra bổ sung		Tạm đình chỉ		Đình chỉ	
			Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	720	1.534	689	1411	23	82	4	14	2	2
2012	958	2.014	929	1934	24	60	0	0	3	5
2013	917	1.873	879	1760	26	53	0	0	1	1
2014	1.025	2.236	994	2126	23	67	0	0	2	8
2015	1029	1.974	870	1682	141	265	7	10	4	8
2016	1.010	1.880	946	1718	57	150	3	4	3	7
<i>Cộng</i>	<i>5.659</i>	<i>11.511</i>	<i>5307</i>	<i>10.631</i>	<i>294</i>	<i>677</i>	<i>14</i>	<i>28</i>	<i>15</i>	<i>31</i>

Số liệu ra quyết định của TAND tỉnh Bắc Ninh

Năm	Thụ lý/Vụ	Bị cáo	Đã giải quyết							
			Xét xử		Trả hồ sơ điều tra bổ sung		Tạm đình chỉ		Đình chỉ	
			Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	58	217	45	113	13	104	0	0	0	0
2012	88	233	74	193	12	34	1	3	0	0
2013	80	350	65	269	15	81	0	0	0	0
2014	86	485	69	373	16	104	0	0	0	0
2015	77	229	58	187	19	42	0	0	0	0
2016	63	162	45	107	18	55	0	0	0	0
<i>Cộng</i>	452	1676	356	1242	93	420	1	3	0	0

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

Phụ lục 04

SỐ LIỆU QUYẾT ĐỊNH TRẢ HỒ SƠ ĐIỀU TRA BỔ SUNG CỦA HAI CẤP TAND TỈNH BẮC NINH ĐƯỢC VKS CHẤP NHẬN VÀ KHÔNG CHẤP NHẬN

Năm	Số vụ trả	Được chấp nhận		Không được chấp nhận	
		Vụ	Tỷ lệ	Vụ	Tỷ lệ
2011	36	29	80,55	7	19,45
2012	36	31	86,11	5	13,89
2013	41	34	82,92	7	17,08
2014	39	32	82,05	7	17,95
2015	160	145	90,62	15	9,38
2016	75	64	85,33	11	14,67
<i>Cộng</i>	387	335	86,56	52	13,44

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

Phụ lục 05

**SỐ LIỆU CĂN CỨ TRẢ HỒ SƠ ĐIỀU TRA BỔ SUNG CỦA HAI CẤP TAND
TỈNH BẮC NINH**

Năm	Trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung										
	Vụ	Bị cáo	Thiếu chứng cứ quan trọng			Đồng phạm khác, phạm tội khác			Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng		
			Vụ	Bị cáo	Tỷ lệ/Vụ	Vụ	Bị cáo	Tỷ lệ/Vụ	Vụ	Bị cáo	Tỷ lệ/Vụ
2011	36	186	23	119	63,88	7	30	19,45	6	37	11,11
2012	36	94	25	60	69,44	6	15	16,68	5	19	13,88
2013	41	134	25	82	60,97	8	24	12,21	8	28	19,51
2014	39	171	20	74	51,28	9	46	23,09	10	51	25,63
2015	160	307	93	172	58,12	34	73	21,25	33	62	20,62
2016	75	205	46	117	61,66	13	47	17,01	16	41	21,33
Cộng	387	1097	232	624	59,94	77	235	19,89	78	238	20,17

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

Phụ lục 06

**SỐ LIỆU QUYẾT ĐỊNH TẠM ĐÌNH CHỈ CỦA HAI CẤP TAND TỈNH BẮC
NINH BỊ VKS KHÁNG NGHỊ**

Năm	Thụ lý		Tạm đình chỉ		Tỷ lệ	Số vụ bị VKS kháng nghị	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo		Vụ	Tỷ lệ
2011	778	1751	4	14	0,51	0	0
2012	1046	2247	1	3	0,09	0	0
2013	997	2223	0	0	0	0	0
2014	1111	2721	0	0	0	0	0
2015	1106	2203	7	10	0,63	0	0
2016	1073	2042	3	4	0,27	0	0

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

Phụ lục 07**SỐ LIỆU QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ CỦA HAI CẤP TAND TỈNH BẮC NINH
BỊ VKS KHÁNG NGHỊ**

Năm	Thụ lý		Đình chỉ		Tỷ lệ%	Số vụ bị VKS kháng nghị	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo		Vụ	Tỷ lệ%
2011	778	1751	2	2	0,25	0	0
2012	1046	2247	3	5	0,28	0	0
2013	997	2223	1	1	0,1	0	0
2014	1111	2721	2	8	0,18	0	0
2015	1106	2203	4	8	0,36	0	0
2016	1073	2042	3	7	0,28	0	0

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

Phụ lục 08**SỐ LIỆU THẨM PHÁN HAI CẤP TAND TỈNH BẮC NINH**

Năm	Số lượng Thẩm phán		
	<i>Tỉnh</i>	<i>Huyện</i>	<i>Cộng</i>
2011	12	40	52
2012	12	39	51
2013	12	43	55
2014	11	40	51
2015	12	42	54
2016	12	42	54

Nguồn: TAND tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011 đến 2016

Phụ lục 09

SƠ ĐỒ THỜI HẠN CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

